



SỔ TAY DOANH NGHIỆP

TẬN DỤNG EVFTA

ĐỂ TĂNG CƯỜNG XUẤT KHẨU
RAU QUẢ VIỆT NAM SANG EU



Funded by
the European Union



OXFAM

VCCI





FINLAND

ESTONIA

LATVIA

LITHUANIA

BELARUS

POLAND

UKRAINE

MOLDOVA

ROMANIA

HUNGARY

CROATIA

BOSNIA SHERZEGOVINA

serbia

BULGARIA

NORTH MACEDONIA

GREECE

ALBANIA

MONTENEGRO

TURKEY

GEORGIA

ARMENIA

AZERBALIAN

RUSSIA

LỜI NÓI ĐẦU

Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (gọi tắt là EVFTA), có hiệu lực từ ngày 1/8/2020, là một Hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EU). Với phạm vi cam kết rộng, mức độ tự do hóa sâu và các cam kết tiêu chuẩn cao, EVFTA được dự báo sẽ có tác động mạnh mẽ tới toàn bộ nền kinh tế Việt Nam, đặc biệt trong lĩnh vực xuất khẩu.

Với điều kiện tự nhiên thuận lợi, Việt Nam có thể mạnh sản xuất nhiều loại rau quả nhiệt đới và ôn đới. Tuy nhiên, giá trị xuất khẩu rau quả của Việt Nam trong nhiều năm qua vẫn còn hạn chế và chưa tương xứng với tiềm năng sản xuất của ngành. Với việc EVFTA có hiệu lực, ngành rau quả sẽ có nhiều cơ hội để tăng cường xuất khẩu sang EU – một trong những thị trường có nhu cầu nhập khẩu rau quả lớn nhất thế giới. Tuy nhiên, ngành rau quả Việt Nam chủ yếu bao gồm các doanh nghiệp vừa và nhỏ, khả năng tìm hiểu và đáp ứng các điều kiện để tận dụng các cơ hội từ các FTA nói chung và EVFTA nói riêng còn rất hạn chế.

Do đó, trong khuôn khổ các hoạt động hỗ trợ các doanh nghiệp Việt Nam tận dụng lợi ích từ các FTA trong đó có EVFTA, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đã biên soạn “Sổ tay cho Doanh nghiệp vừa và nhỏ tận dụng EVFTA để tăng cường xuất khẩu rau quả Việt Nam sang EU” với sự hỗ trợ của Dự án “Tăng cường năng lực xuất khẩu cho DNNVV trong ngành hàng gia vị, rau quả Việt Nam”. Ấn phẩm này được tài trợ bởi Liên minh châu Âu, xuất bản với sự hỗ trợ của Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID). Sổ tay này sẽ tóm tắt và diễn giải chi tiết, đầy đủ các cam kết EVFTA liên quan đến ngành rau quả, từ đó phân tích các cơ hội và thách thức từ các cam kết này và đưa ra các khuyến nghị cụ thể, thiết thực cho ngành rau quả Việt Nam.

Hi vọng Sổ tay này sẽ là tài liệu tham khảo hữu ích và lâu dài cho các doanh nghiệp rau quả Việt Nam để có thể tận dụng được các lợi ích của EVFTA trong suốt quá trình thực thi Hiệp định quan trọng này.

Mục lục

PHẦN I - ĐẶC ĐIỂM THỊ TRƯỜNG EU VÀ TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU RAU QUẢ VIỆT NAM SANG EU 8

1. EU – Đặc điểm thị trường và nhu cầu nhập khẩu rau quả..... 10
2. Các quy định nhập khẩu của EU đối với rau quả tươi..... 12
3. Các quy định nhập khẩu của EU đối với rau quả chế biến..... 17
4. Tình hình xuất khẩu rau quả Việt Nam sang EU 22
5. Cơ cấu sản phẩm rau quả xuất khẩu của Việt Nam sang EU 25
6. Những thuận lợi của rau quả Việt Nam khi xuất khẩu sang EU 29
7. Những khó khăn của rau quả Việt Nam khi xuất khẩu sang EU 30

PHẦN II - CÁC CAM KẾT CỦA EU TRONG EVFTA ĐỐI VỚI RAU QUẢ VIỆT NAM 32

8. Cam kết về thuế quan trong EVFTA..... 34
9. Cam kết về Quy tắc xuất xứ trong EVFTA..... 38
10. Cam kết về thủ tục chứng nhận xuất xứ trong EVFTA 40
11. Cam kết về biện pháp vệ sinh an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật (SPS) trong EVFTA 43
12. Cam kết nào về các hàng rào kỹ thuật đối với thương mại (TBT) trong EVFTA 45
13. Cam kết gì về các biện pháp phòng vệ thương mại trong EVFTA 47
14. Cam kết về Hải quan và Thuận lợi hóa thương mại trong EVFTA 49
15. Cam kết về mở cửa đầu tư trong EVFTA..... 50
16. Cam kết về Sở hữu trí tuệ (SHTT) 51
17. Các cam kết về Phát triển bền vững trong EVFTA 53

PHẦN III - TẬN DỤNG EVFTA ĐỂ TĂNG CƯỜNG XUẤT KHẨU RAU QUẢ VIỆT NAM SANG EU..... 54

18. Cơ hội cắt giảm thuế quan từ EVFTA cho rau tươi và sơ chế.....	56
19. Cơ hội cắt giảm thuế quan từ EVFTA cho quả tươi và sơ chế.....	58
20. Cơ hội cắt giảm thuế quan từ EVFTA cho rau quả chế biến.....	60
21. Cơ hội khác từ EVFTA đối với rau quả Việt Nam.....	63
22. Thách thức từ EVFTA đối với xuất khẩu rau quả Việt Nam.....	66
23. Quy trình xuất khẩu rau quả sang EU tận dụng EVFTA.....	68
24. Các công cụ tra cứu thương mại miễn phí cho doanh nghiệp.....	74
25. Các nguồn thông tin và hỗ trợ thương mại cho doanh nghiệp.....	77

DANH MỤC BẢNG VÀ HÌNH

Bảng 1: Quy định của EU về hàm lượng tối đa tạp chất chì và cadmium trong một số loại rau quả tươi.....	13
Hình 1: Nhập khẩu rau quả của EU từ Việt Nam giai đoạn 2017-2021.....	22
Hình 2: Xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang một số nước EU.....	23
Bảng 2: TOP 10 sản phẩm rau tươi và sơ chế xuất khẩu nhiều nhất sang EU.....	25
Bảng 3: TOP 10 sản phẩm quả tươi và sơ chế xuất khẩu nhiều nhất sang EU.....	26
Bảng 4: TOP 10 sản phẩm rau quả chế biến xuất khẩu nhiều nhất sang EU.....	27
Bảng 5: So sánh thuế quan EVFTA, MFN và GSP đối với TOP 10 sản phẩm rau tươi và sơ chế EU nhập khẩu nhiều nhất từ Việt Nam năm 2021.....	56
Bảng 6: So sánh thuế quan EVFTA, MFN và GSP đối với TOP 10 sản phẩm quả tươi và sơ chế EU nhập khẩu nhiều nhất từ Việt Nam năm 2021.....	58
Bảng 7: So sánh thuế quan EVFTA, MFN và GSP đối với TOP 10 sản phẩm rau quả chế biến EU nhập khẩu nhiều nhất từ Việt Nam năm 2021.....	60

Danh mục từ viết tắt

ASEAN	Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á
C/O	Chứng nhận xuất xứ hàng hóa
CPTPP	Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương
EU	Liên minh châu Âu
EVFTA	Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam – Liên minh châu Âu
FTA	Hiệp định Thương mại Tự do
GSP	Hệ thống Ưu đãi Thuế quan Phổ cập
HS	Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa
MFN	Nguyên tắc đối xử tối huệ quốc
REX	Hệ thống đăng ký các nhà xuất khẩu của Liên minh châu Âu
SPS	Biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật
TBT	Hàng rào kỹ thuật đối với thương mại
WTO	Tổ chức Thương mại Thế giới





PHẦN I
**ĐẶC ĐIỂM
THỊ TRƯỜNG EU
VÀ TÌNH HÌNH
XUẤT KHẨU
RAU QUẢ
VIỆT NAM
SANG EU**



1

EU – Đặc điểm thị trường và nhu cầu nhập khẩu rau quả

Rau quả là một ngành kinh tế nông nghiệp quan trọng của EU, chủ yếu là rau quả hàn đới và ôn đới. EU cũng đồng thời nhập khẩu một lượng lớn rau quả, chủ yếu là các sản phẩm nhiệt đới.

- Về cơ cấu sản phẩm, chiếm tỷ trọng lớn nhất trong các sản phẩm rau mà EU sản xuất là cà chua, cà rốt, bắp cải, hành, hạt tiêu; và các sản phẩm quả là táo, cam, dưa hấu, đào, lê. Rau quả chế biến chủ yếu là từ các sản phẩm ôn và hàn đới nói trên, phổ biến nhất là nước ép củ quả, củ quả đóng hộp, đông lạnh hoặc sấy khô, và các loại mứt rau quả.
- Về thương mại, rau quả EU chủ yếu giao dịch trong nội khối EU (thuận tiện về vận chuyển, các sản phẩm cũng đủ đa dạng). Tuy nhiên, EU cũng nhập khẩu ngày càng nhiều rau quả từ các đối tác ngoài khối để phục vụ nhu cầu tiêu dùng với sản phẩm lạ, trái mùa. Trong nhiều năm qua, EU là khu vực nhập siêu rau quả lớn trên thế giới, với giá trị nhập siêu rau quả năm 2021 là 4,6 tỷ USD.

Rau quả tươi và sơ chế

EU là thị trường có nhu cầu lớn và ổn định đối với các sản phẩm rau quả tươi, nhất là rau quả nhiệt đới mà EU không sản xuất được.

- *Về đối tác nhập khẩu:* Mặc dù có mức tăng trưởng nhanh EU cũng là thị trường đã tương đối bão hòa về cạnh tranh. Các nhà nhập khẩu của EU tương đối khó tính và đã thiết lập các nguồn cung lâu dài với các đối tác ổn định, chủ yếu từ Nam Mỹ, châu Phi (Peru, Nam Phi, Maroc, Ai Cập, Thổ Nhĩ Kỳ, Costa Rica, Colombia, Panama, Kenya, Guatemala...). Các nhà cung cấp mới sẽ khó có

thể thâm nhập vào thị trường EU nếu không có những sản phẩm chất lượng và chính sách bán hàng thực sự hấp dẫn.

- *Về cơ cấu sản phẩm nhập khẩu:* EU nhập khẩu đa dạng các sản phẩm rau củ, trái cây tươi. Trong đó, giá trị nhập khẩu các loại rau quả nhiệt đới, bán nhiệt đới từ các quốc gia đang phát triển như: chuối, bơ, cà chua, dưa, cam, đậu... đang ngày càng gia tăng tại khu vực này. Một xu hướng tiêu dùng mới về rau quả của EU là chú trọng sản phẩm hữu cơ.
- *Về thị trường nhập khẩu:* Trong EU, Đức, Pháp được biết đến là những thị trường lớn, có nhu cầu ngày càng tăng đối với các loại trái cây tươi. Đức chiếm 25% tổng giá trị nhập khẩu rau quả tươi của EU năm 2021, chủ yếu là bơ, việt quất, quả mâm xôi, dưa hấu và khoai lang... Pháp đứng thứ 2, chiếm 13,3% tỷ trọng nhập khẩu rau tươi, chủ yếu là việt quất, mâm xôi, dưa hấu, chuối, khoai lang, sắn là những sản phẩm có mức tăng trưởng đáng kể về sản lượng.

Rau quả chế biến

EU là nhà nhập khẩu rau quả chế biến lớn nhất thế giới, chiếm 40% tổng giá trị nhập khẩu mặt hàng này của thế giới năm 2021 (ITC Trademap), với giá trị nhập khẩu là 25 tỷ USD. Tốc độ tăng trưởng trung bình nhập khẩu rau quả chế biến của EU trong 05 năm qua (2017-2021) là khoảng 3,8%.

- *Về cơ cấu sản phẩm:* EU nhập khẩu đa dạng các sản phẩm rau quả chế biến, nhiều nhất là nước ép rau quả, tiếp đến là rau quả đóng hộp, rau quả đông lạnh và cuối cùng là rau quả sấy khô và các loại mứt.
- *Về đối tác nhập khẩu:* Phần lớn rau quả chế biến mà các nước EU nhập khẩu là trong nội khối. Các nguồn cung rau quả chế biến từ ngoài EU lớn nhất năm 2021 có thể kể đến bao gồm: Brazil (6,2%), Thổ Nhĩ Kỳ (3,1%), Trung Quốc (2,5%) và Anh (1,2%)...
- *Về thị trường nhập khẩu:* Theo số liệu 2021, Đức là nhà nhập khẩu rau quả chế biến lớn nhất tại EU (5,56 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 22,2%); tiếp đến là Hà Lan, nhập khẩu chủ yếu là nước ép trái cây, và là từ các nước đang phát triển (chiếm 52% tổng kim ngạch nhập khẩu rau quả chế biến từ tất cả các nước của Hà Lan).

2

Các quy định nhập khẩu của EU đối với rau quả tươi

Khác với một số thị trường như Mỹ, Nhật, Australia, New Zealand thường yêu cầu rau quả tươi từ một nước xuất khẩu phải được cấp phép nhập khẩu theo từng loại cụ thể (mà quy trình từ khi xin cấp phép đến khi được cấp phép có thể kéo dài đến chục năm), rau quả tươi nhập khẩu vào EU không cần phải xin cấp phép nhập khẩu trước theo từng loại.

Tuy nhiên, cũng tương tự các nước, EU yêu cầu mỗi lô hàng rau quả tươi nhập khẩu phải đáp ứng đầy đủ các quy định liên quan tới rau quả nhập khẩu ở EU (tiêu chuẩn kỹ thuật – TBT, và tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm – SPS), bao gồm:

- Các quy định/yêu cầu của EU.
- Các quy định/yêu cầu riêng của nước thành viên EU nơi sản phẩm được tiêu thụ (đối với một số sản phẩm nhất định).

Ngoài các yêu cầu bắt buộc của Nhà nước (cấp EU và/hoặc nước thành viên EU), nhà nhập khẩu/khách hàng EU có thể còn bổ sung thêm một số yêu cầu riêng, hoặc đưa ra yêu cầu còn cao hơn so với quy định bắt buộc để làm hài lòng người tiêu dùng EU.

I. Các yêu cầu bắt buộc

Rau quả tươi xuất khẩu vào thị trường EU phải tuân thủ các yêu cầu về an toàn thực phẩm và chất lượng sản phẩm.

● Quy định về dư lượng thuốc bảo vệ thực vật (MRL)

Hệ thống quy định về hàm lượng tối đa thuốc bảo vệ thực vật được phép tồn dư trong các sản phẩm thực phẩm (MRL) của EU được áp dụng thống nhất trên toàn EU, bao gồm:

- Một danh sách các loại thuốc bảo vệ thực vật được phép áp dụng và mức tồn dư tối đa được phép trên thực phẩm;

BẢNG 1

QUY ĐỊNH CỦA EU VỀ HÀM LƯỢNG TỐI ĐA TẠP CHẤT CHÌ VÀ CADMIUM TRONG MỘT SỐ LOẠI RAU QUẢ TƯƠI
MỨC CHÌ TỐI ĐA
Trái cây

Trái cây, trừ quả nam việt quất, quả lý chua, quả cơm cháy và dâu tây	0,10 mg / kg trọng lượng tịnh
---	-------------------------------

Quả nam việt quất, quả lý chua, quả cơm cháy và dâu tây	0,20 mg / kg trọng lượng tịnh
---	-------------------------------

Rau củ

Các loại rau ăn quả trừ ngô ngọt	0,05 mg / kg trọng lượng tịnh
----------------------------------	-------------------------------

Các loại rau ăn củ và rễ (trừ diếp củ, gừng tươi và nghệ tươi), cải hoa, cải thìa, su hào, các loại rau họ đậu; Ngô ngọt	0,10 mg / kg trọng lượng tịnh
--	-------------------------------

Cải thìa, diếp củ và các loại rau ăn lá (trừ các loại thảo mộc tươi)	0,30 mg / kg trọng lượng tịnh
--	-------------------------------

Nấm dại, nghệ tươi và gừng tươi	0,80 mg / kg trọng lượng tịnh
---------------------------------	-------------------------------

MỨC CADMIUM TỐI ĐA
Trái cây

Trái cây họ cam quýt, ô liu, kiwi, chuối, xoài, đu đủ, dứa	0,02 mg / kg trọng lượng tịnh
--	-------------------------------

Quả mọng, trừ quả mâm xôi	0,03 mg / kg trọng lượng tịnh
---------------------------	-------------------------------

Quả mâm xôi	0,04 mg / kg trọng lượng tịnh
-------------	-------------------------------

Các loại trái cây khác	0,05 mg / kg trọng lượng tịnh
------------------------	-------------------------------

Rau củ

Củ cải ri; Các loại rau ăn quả (trừ quả cà tím); Các loại rau họ đậu	0,02 mg / kg trọng lượng tịnh
--	-------------------------------

Tỏi tây; Bắp cải	0,04 mg / kg trọng lượng tịnh
------------------	-------------------------------

Các loại rau ăn củ và rễ nhiệt đới, mùi tây, củ cải; Tỏi	0,05 mg / kg trọng lượng tịnh
--	-------------------------------

Cải ngựa, củ cải vàng, diếp củ; Rau chân vịt	0,2 mg / kg trọng lượng tịnh
--	------------------------------

Nguồn: Trung tâm xúc tiến nhập khẩu từ các nước đang phát triển (CBI) (cập nhật tháng 1/2022)

- Với các loại thuốc bảo vệ thực vật không thuộc danh sách trên: Áp dụng chung mức MRL rất thấp – 0,01mg/kg.

Chú ý

Hệ thống MRL của EU được điều chỉnh thường xuyên, vì vậy doanh nghiệp xuất khẩu cần cập nhật và tuân thủ, tránh việc hàng đến cảng EU bị trả về/buộc tiêu hủy.

- *Quy định về tạp chất và vi sinh vật*

Tương tự như MRL, đối với thuốc bảo vệ thực vật, EU cũng đặt ra các giới hạn đối với một số tạp chất trong thực phẩm – với rau quả các tạp chất cần quan tâm là: chì, cadmium.

Ngoài ra, các sản phẩm rau quả cắt sẵn phải đảm bảo không bị nhiễm các vi sinh vật như Salmonella và E. coli. Salmonella trong suốt thời hạn sử dụng của sản phẩm.

- *Các quy định về kiểm dịch thực vật*

Hầu hết rau quả tươi nhập khẩu vào EU phải được kiểm dịch thực vật và phải có giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật được cấp bởi Cơ quan Bảo vệ Thực vật Quốc gia (NPPO) của nước xuất khẩu chứng nhận sản phẩm đáp ứng được các yêu cầu về kiểm dịch của EU. Danh mục các sản phẩm phải có chứng nhận này được nêu trong Phụ lục XI, Phần A và Phần B của Quy định (EU) 2019/2072. Cũng có một số loại rau quả EU không yêu cầu giấy chứng nhận này, ví dụ dưa, chuối, dứa, sầu riêng.

Đối với một số loại rau quả nhập khẩu như rau ăn lá, khoai tây, cà chua, ớt, trái cây họ cam quýt, quả mọng, táo, lê, xoài, bơ, cần tây và húng quế, EU có thêm yêu cầu liên quan tới sâu bệnh như kiểm tra, xử lý hoặc tuyên bố rằng không có sâu bệnh gây hại trong sản phẩm nhập khẩu.

• Các yêu cầu về đóng gói và ghi nhãn

EU yêu cầu nhãn bao bì, hộp của sản phẩm rau tươi phải bao gồm các thông tin sau:

- Tên và địa chỉ người đóng gói; hoặc Dấu kiểm soát chính thức (thay thế tên và địa chỉ của người đóng gói - tùy chọn)
- Tên và chủng loại sản phẩm (nếu sản phẩm không nhìn thấy từ bên ngoài bao bì);
- Nước xuất xứ;
- Loại và kích cỡ;
- Số lô (để truy xuất nguồn gốc) hoặc số GGN (nếu được chứng nhận GlobalGAP - được khuyến khích);
- Chất sử dụng để xử lý sau thu hoạch (ví dụ, chất chống nấm mốc được bổ sung khi xử lý sau thu hoạch đối với trái cây có múi);
- Chứng nhận hữu cơ, bao gồm tên cơ quan kiểm tra và số chứng nhận (nếu có).

II. Các yêu cầu bổ sung của nhà nhập khẩu EU

Một số loại chứng nhận an toàn mà khách hàng/nhà nhập khẩu EU thường yêu cầu bổ sung đối với rau tươi nhập khẩu:

- Chứng nhận GlobalGAP (Chứng nhận Thực hành nông nghiệp tốt toàn cầu): Hầu hết các siêu thị, các nhà bán lẻ EU yêu cầu, do đó gần như đã trở thành tiêu chuẩn tối thiểu;
- Các Chứng nhận/bộ tiêu chuẩn được công nhận bởi GFSI (The Global Food Safety Initiative – Sáng kiến An toàn thực phẩm Toàn cầu) như IFS (Tiêu chuẩn Thực phẩm Quốc tế), SQF (Thực phẩm An toàn Chất lượng), FSSC 22000 (Chứng nhận Hệ thống An toàn Thực phẩm): Tùy thuộc nhà nhập khẩu ở từng nước EU có thể yêu cầu;

- Các giấy tờ chứng nhận nhà sản xuất đáp ứng các chuẩn về trách nhiệm xã hội (như Sáng kiến Thương mại Bền vững (IDH), Sáng kiến Tuân thủ trách nhiệm xã hội trong Kinh doanh (amfori BSCI), Sáng kiến Thương mại có đạo đức (ETI)...: Một số nhà nhập khẩu có thể yêu cầu nhà sản xuất có các giấy tờ chứng nhận này, hoặc phải tuân thủ các quy tắc ứng xử riêng mà nhà nhập khẩu thiết lập.

Ngoài ra, người tiêu dùng EU có xu hướng yêu thích, đánh giá cao các sản phẩm có các bằng chứng chứng nhận sản phẩm thân thiện môi trường, nhà sản xuất có nhiều đóng góp cho xã hội...

3

Các quy định nhập khẩu của EU đối với rau quả chế biến

Tương tự rau quả tươi, rau quả chế biến nhập khẩu vào EU cũng phải tuân thủ các quy định nhập khẩu bắt buộc của EU và của từng nước thành viên EU (tùy sản phẩm) và các yêu cầu bổ sung của nhà nhập khẩu/khách hàng EU.

I. Các yêu cầu bắt buộc

Rau quả chế biến (và thực phẩm nói chung) khi nhập khẩu vào EU phải đáp ứng các quy định về an toàn thực phẩm mà nền tảng là Luật Thực phẩm chung (General Food Law) của EU. Nguyên tắc là tất cả thực phẩm phải truy xuất được nguồn gốc trong toàn bộ chuỗi cung ứng. Ngoài ra, còn có các quy định khác bắt buộc thực hiện nhằm bảo đảm thông tin cho người tiêu dùng (ví dụ quy định trong Luật Ghi nhãn...).

Sau đây là một số nhóm yêu cầu cơ bản đối với rau quả chế biến:

● Quy định về các chất gây hại

EU có quy định liên quan tới các chất gây hại trong rau quả chế biến phổ biến, gồm: Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, Độc tố nấm mốc, Nhiễm khuẩn, và Kim loại nặng.

- *Nhiễm khuẩn các vi sinh vật gây hại:*

Phần lớn rau quả chế biến bị từ chối khi nhập khẩu vào EU là do nhiễm khuẩn các vi sinh vật gây hại (phổ biến là Salmonella, Escherichia Coli, Listeria) và các loại vi rút (như Norovirus, vi rút viêm gan A).

Chiếu xạ là phương pháp phổ biến để xử lý các vi sinh vật gây hại trong rau quả chế biến. Tuy nhiên phương pháp này có thể gây hại và vì thế bị hạn chế, ràng buộc bởi quy định của EU về mức ô nhiễm phóng xạ tối đa cho phép.

- **Độc tố nấm mốc:**

Nấm mốc (Mycotoxins) là các chất độc hại do nấm sinh ra, xuất hiện rất phổ biến trong quá trình sản xuất rau quả chế biến. Nấm mốc có thể tiếp tục tồn tại thậm chí sau khi sản phẩm đã qua xử lý nhiệt. Các loại độc tố nấm mốc phổ biến nhất trong các sản phẩm rau quả chế biến là Aflatoxin, Ochratoxin A, và Patulin.

EU quy định các giới hạn đối với các loại nấm mốc này, ví dụ: Hàm lượng tối đa Aflatoxins trong trái cây sấy khô là dưới 2 µg/kg đối với Aflatoxins B1, dưới 4 µg/kg đối với tổng hàm lượng Aflatoxins (B1, B2, G1 và G2); hàm lượng Patulin cho phép trong các loại nước trái cây là từ 10 đến 50 µg/kg.

Độc tố nấm mốc được kiểm soát tốt nhất bằng các biện pháp thực hành tốt sau thu hoạch, ví dụ: Thu hoạch kịp thời; Phơi khô thích hợp sau khi thu hoạch; Độ ẩm và nhiệt độ thích hợp trong quá trình bảo quản và vận chuyển; Phát hiện và loại bỏ kịp thời nguyên liệu bị ô nhiễm khỏi chuỗi cung ứng thực phẩm cũng là các biện pháp kiểm soát quan trọng.

- **Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật (MRL):**

Rau quả chế biến có thể còn tồn dư thuốc bảo vệ thực vật từ nguyên liệu. EU áp dụng mức MRL trong rau quả chế biến như với rau quả tươi (xem Câu 11).

Năm 2020, EU bắt đầu thực hiện Kế hoạch “Thỏa thuận Xanh Châu Âu”, trong đó có mục tiêu giảm 50% việc sử dụng thuốc trừ sâu. Như vậy, EU có thể sẽ cấm thêm nhiều loại thuốc bảo vệ thực vật, và giảm mức MRL được phép trong những năm tới.

- **Kim loại nặng:**

Các loại kim loại nặng phổ biến trong rau quả chế biến là: Chì và Cadimi (trong rau quả đông lạnh, rau quả đóng gói bằng thủy tinh, nước ép trái cây), và Thiếc (trong rau quả đóng hộp). EU có quy định về các giới hạn tối đa dư lượng kim loại nặng.

Lưu ý

Việc phát hiện tạp chất kim loại trong rau quả chế biến có thể thực hiện thông qua các loại máy dò, tuy nhiên EU khuyến nghị nên kiểm soát bằng phân loại vật lý và hay các biện pháp cơ học không nguy hại khác.

● Quy định về thành phần của sản phẩm

- *Về các loại phụ gia*: EU có quy định cụ thể về các chất phụ gia (như chất bảo quản, màu, chất làm đặc), hương liệu và Enzym nào được phép sử dụng trong rau quả chế biến.
- *Vitamin và khoáng chất (thường được thêm vào nước và mật hoa quả)*: mặc dù hiện tại chưa có quy định nhưng Ủy ban châu Âu (EC) đang xây dựng dự thảo về hàm lượng tối đa cho vitamin và khoáng chất có thể thêm vào rau quả chế biến.

Đối với một số sản phẩm rau quả chế biến phổ biến (nước ép trái cây và mút trái cây, thạch, mút cam và hạt dẻ ngọt), EU có quy định cụ thể về loại, giới hạn các thành phần trong sản phẩm (ví dụ danh mục các nguyên liệu, phụ gia, chất bảo quản nào có thể được sử dụng...).

● Quy định về bao bì và ghi nhãn

- Quy định về bao bì đóng gói an toàn và thân thiện với môi trường

EU có một số các quy định về bao bì đối với sản phẩm thực phẩm nhập khẩu, ví dụ:

- Phải bảo đảm yêu cầu về trọng lượng và kích thước.
- Phải an toàn cho sức khỏe người tiêu dùng và môi trường.
- Bao bì làm bằng gỗ hoặc các chất liệu tương tự phải được kiểm dịch.

- Bao bì đóng gói tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm (như lon, lọ) phải tuân thủ các điều khoản kiểm soát sức khỏe cụ thể, đảm bảo không chuyển thành phần gây hại từ bao bì sang thực phẩm, không làm thay đổi thành phần hoặc mùi vị của thực phẩm...
- Bao bì nhựa: Từ 2021, một số loại nhựa sử dụng một lần sẽ bị cấm tại EU, đồng thời việc sử dụng các loại khác cũng bị hạn chế. Cũng từ 2021, EU bắt đầu áp dụng thuế đối với chất thải bao bì nhựa không tái chế, với mức 0,80 €/kg. Đến năm 2030, tất cả các chai nhựa tại EU phải được làm từ ít nhất 30% vật liệu tái chế.

- Yêu cầu về ghi nhãn

Các nhóm thông tin bắt buộc phải có trên nhãn sản phẩm rau quả chế biến theo quy định của EU gồm:

- Thông tin về giá trị năng lượng và số lượng chất béo, bão hòa, carbohydrate, protein, đường và muối;
- Thông tin về các chất gây dị ứng (như đậu nành, các loại hạt hoặc gluten) đối với thực phẩm;
- Nguồn gốc/Xuất xứ của sản phẩm.

Kích thước phông chữ tối thiểu cho các thông tin bắt buộc ghi trên nhãn là 1,2 mm.

Các tuyên bố về dinh dưỡng và sức khỏe trên nhãn các sản phẩm bán lẻ là rất quan trọng. Luật Ghi nhãn của EU cấm các tuyên bố gây hiểu lầm cho người tiêu dùng. Các tuyên bố rằng trên nhãn thực phẩm về tác dụng ngăn ngừa, điều trị hoặc chữa bệnh cho con người đều không được phép.

II. Một số yêu cầu bổ sung phổ biến của nhà nhập khẩu

● Chứng nhận An toàn thực phẩm:

Hầu hết các nhà nhập khẩu thực phẩm EU đều yêu cầu các chứng nhận/bộ tiêu chuẩn được công nhận bởi GFSI (The Global Food Safety Initiative – Sáng kiến An toàn thực phẩm Toàn cầu) như Tiêu chuẩn quốc tế (IFS); Chứng nhận Hệ thống An toàn thực phẩm (FSSC 22000), SQF (Thực phẩm An toàn Chất lượng)...

● Yêu cầu về tính bền vững và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR):

Các nhà nhập khẩu có những yêu cầu khác nhau về trách nhiệm xã hội đối với các sản phẩm rau quả chế biến nhập khẩu, phổ biến là yêu cầu tuân thủ các quy tắc ứng xử của riêng nhà nhập khẩu hoặc tuân theo các tiêu chuẩn quốc tế về vấn đề này như:

- Trao đổi dữ liệu đạo đức nhà cung cấp (SEDEX),
- Sáng kiến Thương mại có đạo đức (ETI)
- Sáng kiến Tuân thủ Trách nhiệm xã hội trong kinh doanh (amfori BSCI)...

4

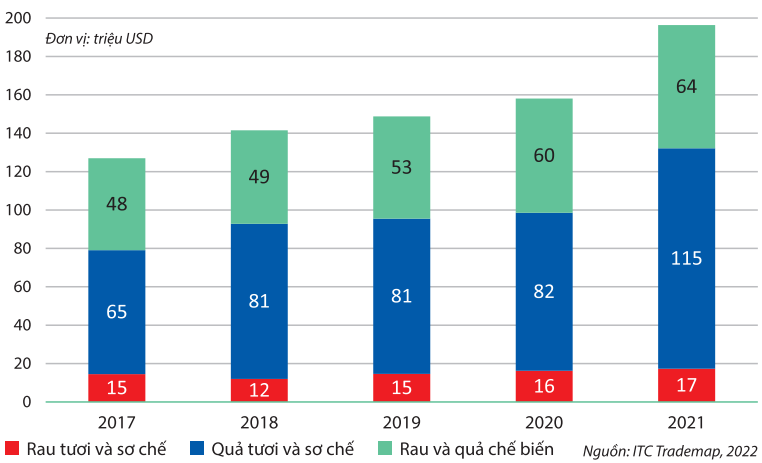
Tình hình xuất khẩu rau quả Việt Nam sang EU

Việt Nam có vị trí địa lý trải dài qua nhiều vĩ độ, khí hậu nhiệt đới gió mùa với một số vùng tiểu khí hậu đặc biệt như Sapa, Tam Đảo, Đà Lạt... thổ nhưỡng đa dạng. Chính vì vậy, Việt Nam có nhiều lợi thế trong canh tác và sản xuất các loại rau quả nhiệt đới, cận nhiệt đới và cả ôn đới. Trong nhóm ngành nông sản, rau quả cũng là một trong những ngành hàng có sự bứt phá tốt nhất về năng lực sản xuất trong 5 năm trở lại đây, với diện tích sản xuất ngày càng được mở rộng và sản lượng, chất lượng ngày càng được nâng cao.

Rau quả cũng là một trong những mặt hàng có mức tăng trưởng xuất khẩu lớn trong những năm gần đây. Tuy đã có mặt tại rất nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, nhưng rau quả của Việt Nam vẫn chủ yếu được xuất khẩu sang Trung Quốc và ASEAN (chiếm đến 62% tổng giá trị xuất khẩu năm 2021), trong khi đó, xuất khẩu rau quả sang EU chỉ mới chiếm khoảng 4% tổng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này của Việt Nam.

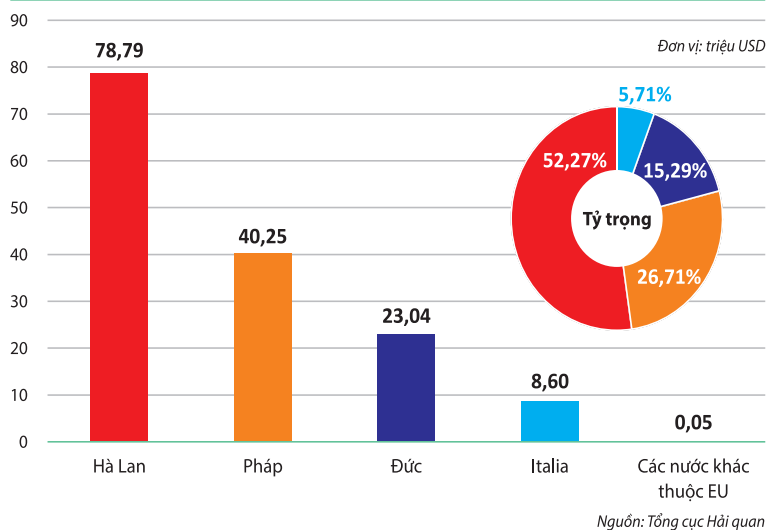
HÌNH 1

NHẬP KHẨU RAU QUẢ CỦA EU TỪ VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2017-2021



HÌNH 2

XUẤT KHẨU RAU QUẢ CỦA VIỆT NAM SANG MỘT SỐ NƯỚC EU NĂM 2021



Giá trị xuất khẩu

Xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang EU tăng đều trong những năm gần đây. Theo số liệu của ITC Trademap, nhập khẩu rau quả từ Việt Nam của EU đã tăng từ 127 triệu USD năm 2017 lên 196,3 triệu USD vào năm 2021. Đáng chú ý, trong giai đoạn 2019-2021, mặc dù xuất khẩu rau quả của Việt Nam ra thế giới có sự sụt giảm đáng kể do tình hình dịch bệnh nhưng xuất khẩu sang EU lại vẫn tăng trưởng khá.

Dư địa cho xuất khẩu rau quả Việt Nam sang EU là rất lớn (số liệu năm 2021):

- Thị trường EU hiện mới chỉ chiếm tỷ trọng 4% trong tổng kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam;

- Rau quả Việt Nam chỉ chiếm 0,2% thị phần nhập khẩu rau quả của EU.
- EU là một trong những nhà nhập khẩu rau quả lớn nhất thế giới, chiếm khoảng 35% tổng giá trị nhập khẩu rau quả tươi và 40% tổng giá trị nhập khẩu rau quả chế biến của thế giới.

Thị trường xuất khẩu

Do là các cửa ngõ chính vào EU, Hà Lan, Pháp, Đức và Ý luôn là các thị trường nhập khẩu rau quả lớn nhất từ Việt Nam của EU (chiếm gần 100% kim ngạch xuất khẩu rau quả năm 2021).

5

Cơ cấu sản phẩm rau quả xuất khẩu của Việt Nam sang EU

EU có nhu cầu nhập khẩu lớn, ổn định và quanh năm đối với các sản phẩm rau quả tươi, đặc biệt là rau quả trái vụ và rau quả nhiệt đới mà EU không trồng được.

Đối với các sản phẩm rau quả chế biến, nhu cầu nhập khẩu của EU cũng gia tăng đều trong những năm gần đây do tính chất tiện lợi của các sản phẩm này và người tiêu dùng EU ngày càng ưa chuộng các sản phẩm chế biến sẵn có lợi cho sức khỏe như các sản phẩm rau quả.

Rau tươi và sơ chế

Ngô ngọt, nấm, khoai sọ, khoai lang, sắn... là những sản phẩm rau củ tươi và sơ chế của Việt Nam được EU nhập khẩu nhiều nhất năm 2021.

BẢNG 2 TOP 10 SẢN PHẨM RAU TƯƠI VÀ SƠ CHẾ XUẤT KHẨU NHIỀU NHẤT SANG EU

STT	Mã HS (6 số)	Tên sản phẩm	Giá trị nhập khẩu năm 2021 (nghìn USD)
1	071040	Ngô ngọt, đã hoặc chưa hấp chín hoặc luộc chín trong nước, đông lạnh.	4.736
2	071080	Rau các loại, đã hoặc chưa hấp chín hoặc luộc chín trong nước, đông lạnh...	3.469
3	071159	Nấm và nấm cục, đã bảo quản tạm thời nhưng không ăn ngay được (trừ nấm thuộc chi Agaricus)	1.824
4	071440	Khoai sọ "Colocasia spp.", tươi, ướp lạnh, đông lạnh hoặc khô, đã hoặc chưa thái lát hoặc làm thành dạng viên	1.048
5	070999	Các loại rau tươi hoặc ướp lạnh khác	915
6	071410	Củ sắn tươi, ướp lạnh, đông lạnh hoặc khô, đã hoặc chưa thái lát hoặc làm thành dạng viên	769

STT	Mã HS (6 số)	Tên sản phẩm	Giá trị nhập khẩu năm 2021 (nghìn USD)
7	071239	Nấm, nấm cục, khô, ở dạng nguyên, cắt, thái lát, vụn hoặc ở dạng bột nhưng chưa chế biến thêm...	676
8	071232	Mộc nhĩ "Auricularia spp", ở dạng nguyên, cắt, thái lát, vụn hoặc ở dạng bột nhưng chưa chế biến thêm	628
9	071420	Khoai lang, tươi, ướp lạnh, đông lạnh hoặc khô, đã hoặc chưa thái lát hoặc làm thành dạng viên	529
10	071290	Rau, hỗn hợp các loại rau, khô, ở dạng nguyên, cắt, thái lát, vụn hoặc ở dạng bột nhưng chưa chế biến thêm (trừ tỏi, nấm, nấm cục, không trộn lẫn)	492

Nguồn: ITC Trademap, 2022

Quả tươi và sơ chế

Việt Nam xuất khẩu sang EU nhiều nhất là các sản phẩm trái cây nhiệt đới thuộc nhóm 081090 (bao gồm: chanh leo, vải, mận, mít...), chanh, dứa, ổi, xoài, bưởi...

BẢNG 3 TOP 10 SẢN PHẨM QUẢ TƯƠI VÀ SƠ CHẾ XUẤT KHẨU NHIỀU NHẤT SANG EU

STT	Mã HS (6 số)	Tên sản phẩm	Giá trị nhập khẩu năm 2021 (nghìn USD)
1	081090	"Me, quả điều, mít, vải, hồng xiêm, mận, chanh leo, khế, thanh long và các loại trái cây ăn được khác, tươi (trừ một số loại quả đã có ở trong nhóm khác)	46.301
2	081190	Quả và quả hạch, đông lạnh, đã hoặc chưa hấp chín hoặc luộc chín trong nước, đông lạnh, đã hoặc chưa thêm đường hoặc chất tạo ngọt...	27.797

STT	Mã HS (6 số)	Tên sản phẩm	Giá trị nhập khẩu năm 2021 (nghìn USD)
3	080550	Quả chanh vàng "Citrus limon, Citrus limonum" và quả chanh xanh "Citrus aurantifolia, Citrus latifolia", tươi hoặc khô	16.874
4	080112	Dừa tươi còn nguyên sọ	5.653
5	080111	Dừa đã qua công đoạn làm khô	4.565
6	080450	Ổi, xoài và măng cụt, tươi hoặc khô	2.486
7	080540	Bưởi tươi hoặc khô	2.395
8	081320	Mận đỏ, khô	1.076
9	081060	Sầu riêng tươi	849
10	081340	Đào khô, lê, đu đủ, me và các loại trái cây ăn được khác, khô...	703

Nguồn: ITC Trademap, 2022

Rau quả chế biến

Các sản phẩm nước ép trái cây và rau quả như nước ép cam, táo, dứa, xoài, cà chua... vẫn là các sản phẩm rau quả chế biến chủ lực của Việt Nam sang EU; tiếp đến là một số loại rau quả đóng hộp như dưa chuột, ngô ngọt, khoai tây... hay các loại mứt hoa quả và hoa quả sấy khô.

BẢNG 4 TOP 10 SẢN PHẨM RAU QUẢ CHẾ BIẾN XUẤT KHẨU NHIỀU NHẤT SANG EU

STT	Mã HS (6 số)	Tên sản phẩm	Giá trị nhập khẩu năm 2021 (nghìn USD)
1	200989	Nước ép quả hoặc rau, chưa lên men, đã hoặc chưa pha thêm đường hoặc chất tạo ngọt khác...	36.464
2	200899	Quả và các phần ăn được khác của cây, đã chế biến hoặc bảo quản, đã hoặc chưa pha thêm đường hay chất tạo ngọt khác hoặc rượu...	7.760

STT	Mã HS (6 số)	Tên sản phẩm	Giá trị nhập khẩu năm 2021 (nghìn USD)
3	200820	Dứa, đã chế biến hoặc bảo quản, đã hoặc chưa pha thêm đường hay chất tạo ngọt khác hoặc rượu ...	7.282
4	200110	Dưa chuột và dưa chuột ri, đã chế biến hoặc bảo quản bằng giấm hoặc axit acetic	1.597
5	200410	Khoai tây, đã chế biến hoặc bảo quản bằng cách khác, trừ bảo quản bằng giấm hoặc axit axetic, đông lạnh	1.128
6	200591	Măng tre, đã chế biến hoặc bảo quản bằng cách khác, trừ bảo quản bằng giấm hoặc axit axetic, không đông lạnh	1.081
7	200897	Hỗn hợp quả và các phần ăn được khác của cây, đã chế biến hoặc bảo quản, đã hoặc chưa pha thêm đường hay chất tạo ngọt khác hoặc rượu	1.073
8	200490	Rau và hỗn hợp các loại rau, đã chế biến hoặc bảo quản bằng cách khác trừ bảo quản bằng giấm hoặc axit axetic, đông lạnh...	995
9	200811	Lạc, đã chế biến hoặc bảo quản (trừ bảo quản với đường)	925
10	200580	Ngô ngọt "Zea Mays var. Saccharata", đã chế biến hoặc bảo quản bằng cách khác trừ bảo quản bằng giấm hoặc axit axetic, đã đông lạnh	881

Nguồn: ITC Trademap, 2022

- EU là khu vực có nhu cầu lớn nhất và ngày một tăng đối với các sản phẩm rau quả. Dư địa xuất khẩu rau quả Việt Nam sang EU còn rất lớn do xuất khẩu rau quả Việt Nam sang EU hiện mới chỉ chiếm 4% tổng giá trị xuất khẩu rau quả của Việt Nam và 0,2% tổng nhập khẩu mặt hàng này của EU. Bên cạnh đó, người tiêu dùng EU ngày càng ưa chuộng các sản phẩm rau quả nhiệt đới từ khu vực châu Á, trong đó có những sản phẩm Việt Nam có thể mạnh như xoài, dưa, thanh long, chanh leo, chôm chôm, cơm dứa; một số loại rau gia vị; nước ép trái cây và hoa quả sấy khô...
- Việt Nam có điều kiện tự nhiên tương đối thuận lợi cho việc trồng trọt và sản xuất nhiều loại rau quả nhiệt đới, cận nhiệt đới và cả ôn đới. Bên cạnh đó, Việt Nam cũng sở hữu nguồn lao động nông thôn tương đối dồi dào, nhiều kinh nghiệm canh tác, chi phí thấp, điều này cũng góp phần làm giảm chi phí sản xuất, từ đó nâng cao khả năng cạnh tranh về giá của các sản phẩm rau quả. Ngoài ra, với việc áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất, Việt Nam đã trồng và sản xuất được nhiều loại rau quả trái mùa, đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng trong nước và phục vụ nhu cầu xuất khẩu quanh năm.
- So với nhiều đối thủ cạnh tranh, rau quả Việt Nam có ưu thế về giá, và một số sản phẩm có chất lượng cao. Đây là lợi thế đáng kể trong bối cảnh kinh tế EU đang gặp nhiều khó khăn và người tiêu dùng EU có xu hướng tìm đến các sản phẩm có giá cả phải chăng;
- Việt Nam đã có FTA với EU (EVFTA) với cam kết loại bỏ thuế nhập khẩu với gần như tất cả các rau quả vào EU, và các cam kết tạo thuận lợi cho hàng hóa tiếp cận thị trường EU. Trong khi đó, EU lại đang duy trì mức thuế nhập khẩu chung (thuế MFN) tương đối cao với nhiều sản phẩm rau quả. Đây là lợi thế đáng kể của rau quả Việt Nam so với các đối thủ cạnh tranh chưa có FTA với EU (như Trung Quốc, Thái Lan, Indonesia...).


7

Những khó khăn của rau quả Việt Nam khi xuất khẩu sang EU

- EU có quy định nhập khẩu rau quả rất khắt khe trong khi phần lớn rau quả của Việt Nam sản xuất bởi các hộ gia đình và trang trại quy mô nhỏ, hiểu biết và khả năng thực hành quy trình sản xuất xanh sạch chuẩn EU còn rất hạn chế. EU cũng rất nghiêm khắc trong các chế tài xử phạt vi phạm về an toàn thực phẩm và an toàn sinh học (buộc tiêu hủy tại chỗ hoặc trả hàng về). Nhiều trường hợp, nếu tần suất vi phạm cao EU có thể áp dụng biện pháp kiểm soát mạnh cho toàn bộ rau quả nhập khẩu từ nước xuất khẩu (tăng tần suất, tỷ lệ kiểm tra, cấm nhập khẩu tạm thời...).
- Việt Nam có khí hậu nhiệt đới gió mùa nóng ẩm một mặt thuận lợi cho trồng trọt nhiều loại rau quả nhưng mặt khác cũng khiến nhiều loại sâu bệnh gây hại có thể phát triển. Việc loại bỏ các sâu bệnh có hại để cây trồng phát triển tốt, mà vẫn đảm bảo các điều kiện về an toàn, đặc biệt là dư lượng thuốc trừ sâu, để đáp ứng các yêu cầu và tiêu chuẩn nhập khẩu của EU là một khó khăn, thách thức lớn cho các hộ gia đình, doanh nghiệp nuôi trồng và sản xuất rau quả tại Việt Nam.
- Người tiêu dùng EU có yêu cầu cao, đặc thù về chất lượng, hình thức mẫu mã của sản phẩm trong khi nhiều nhà sản xuất chế biến rau quả Việt Nam chưa bảo đảm chất lượng ổn định, thiếu hiểu biết/ít chú trọng tới quan điểm thẩm mỹ của người EU, chưa thực hiện được GlobalGAP, HACCP... Bên cạnh đó, các khách hàng EU cũng ngày càng quan tâm đến tiêu dùng bền vững, đến các vấn đề xã hội như lao động (doanh nghiệp sản xuất rau quả có đảm bảo đầy đủ các quyền lợi của người lao động hay không), môi trường (việc sử dụng các thuốc bảo vệ thực vật có đúng hàm lượng và quy trình không, có gây ô nhiễm môi trường không)... trong khi nhiều doanh nghiệp Việt Nam chưa thực sự quan tâm đến vấn đề này.
- Các doanh nghiệp sản xuất rau quả ở Việt Nam hiện nay thường có quy mô nhỏ lẻ, phân tán nên khó đầu tư cơ sở hạ tầng, xây dựng chuỗi liên kết trong sản xuất. Các vùng trồng áp dụng mô

hình VietGap và GlobalGap có xu hướng tăng, tuy nhiên quy mô cũng còn khá khiêm tốn nên doanh nghiệp vẫn gặp hạn chế trong việc thực hiện các đơn hàng, hợp đồng lớn. Bên cạnh đó, nhiều doanh nghiệp rau quả Việt Nam chưa chú trọng xây dựng thương hiệu, tìm kiếm đối tác, thị trường, chuyên nghiệp hóa trong các khâu chào hàng, bán hàng, hậu mãi...; chưa tạo được quan hệ làm ăn lâu dài với các đối tác nhập khẩu EU.





PHẦN II
CÁC CAM KẾT
CỦA EU TRONG
EVFTA ĐỐI VỚI
RAU QUẢ
VIỆT NAM



8 Cam kết về thuế quan trong EVFTA

Đối với các doanh nghiệp xuất khẩu rau quả Việt Nam, một trong những nội dung quan trọng nhất của EVFTA là các cam kết của EU về cắt giảm thuế quan cho rau quả Việt Nam.

Ưu đãi thuế quan theo EVFTA

Trong EVFTA, EU cam kết xóa bỏ thuế với các mặt hàng rau củ của Việt Nam theo 4 nhóm:

- Xóa bỏ thuế nhập khẩu ngay khi Hiệp định có hiệu lực với phần lớn dòng thuế rau quả (514/547 dòng, tương đương 94% tổng số dòng).
- Xóa bỏ thuế tính theo tỷ lệ phần trăm trị giá (thuế suất X% giá trị lô hàng) ngay sau khi Hiệp định có hiệu lực nhưng vẫn giữ thuế tuyệt đối (thuế X Euro/đơn vị khối lượng) (ký hiệu là "A+EP") với 24/547 dòng thuế rau quả (chủ yếu là nhóm cam, quýt, chanh, nho, mơ, đào... và nước nho ép).

Chú ý: Thuế tuyệt đối này được xác định theo hệ thống giá đầu vào mà EU áp dụng theo Biểu thuế chung được quy định tại Quy tắc thực thi của EU số 543/2011 ngày 7/6/2011 (quy định chi tiết các quy tắc áp dụng Quy định của EC số 1234/2007 đối với hoa quả và rau và sản phẩm chế biến hoa quả và rau).

- Cắt giảm thuế dần về 75 EUR/tấn từ năm 2025 trở đi (R75) cho 01 dòng thuế có mã HS 08039010 - Chuối ngự tươi. Cụ thể, mức thuế quan áp dụng đối với sản phẩm này cho từng năm cụ thể như sau:



- Áp dụng hạn ngạch thuế quan với 3 loại sản phẩm rau quả là tỏi, ngô ngọt và nấm, với mức thuế trong hạn ngạch là 0%:

Sản phẩm	Mức hạn ngạch
Tỏi	Tỏi tươi hoặc đông lạnh (HS 07032000): 400 tấn/năm.
Ngô ngọt	Ngô ngọt, trừ loại có đường kính lõi từ 8 mm trở lên nhưng không quá 12 mm (HS 07104000A): 5.000 tấn/năm. Ngô ngọt đã chế biến hoặc bảo quản bằng giấm hoặc axit acetic (<i>Zea mays</i> var. <i>saccharata</i>), trừ loại có đường kính lõi từ 8 mm trở lên nhưng không quá 12 mm (HS 20019030A): 5.000 tấn/năm. Ngô ngọt đã chế biến hoặc bảo quản bằng cách khác trừ bảo quản bằng giấm hoặc axit acetic, không đông lạnh (<i>Zea mays</i> var. <i>saccharata</i>), trừ loại có đường kính lõi từ 8 mm trở lên nhưng không quá 12 mm (HS 2005.80.00A): 5.000 tấn/năm.
Nấm	Nấm thuộc chi <i>Agaricus</i> đã bảo quản tạm thời (HS 07115100): 350 tấn/năm. Nấm đã chế biến hoặc bảo quản bằng giấm hoặc axit acetic (HS 20019050): 350 tấn/năm. Nấm thuộc chi <i>Agaricus</i> , đã bảo quản tạm thời hoặc được nấu chín hoàn toàn bằng cách khác trừ bảo quản bằng giấm hoặc axit acetic (HS 20031020): 350 tấn/năm. Nấm thuộc chi <i>Agaricus</i> , đã chế biến hoặc bảo quản bằng cách khác trừ bảo quản bằng giấm hoặc axit acetic – loại khác (HS 20031030): 350 tấn/năm.

Về các cam kết thuế đối với từng nhóm sản phẩm rau quả cụ thể, xem chi tiết tại Phần III sổ tay này.

Về các mức thuế quan khác của EU với rau quả

• Thuế MFN¹

Rau quả là một trong những nhóm sản phẩm mà EU vẫn duy trì mức thuế Tối huệ quốc (MFN – Most Favoured Nation, áp dụng cho các nước thành viên WTO trong đó có Việt Nam) tương đối cao (theo chính sách chung của EU với nông sản).

Do đó, ưu đãi thuế theo EVFTA mang lại lợi thế đáng kể cho rau quả Việt Nam trong so sánh với các đối thủ cạnh tranh khác đang phải chịu mức thuế MFN khi nhập khẩu vào EU.

Mức thuế MFN trung bình của EU năm 2022 đối với các sản phẩm rau quả:

- 8,73% đối với các sản phẩm rau tươi và sơ chế Chương 07
- 7,09% đối với các sản phẩm quả tươi và sơ chế Chương 08
- 17,71% đối với các sản phẩm rau quả chế biến Chương 20

• Thuế ưu đãi GSP

EU đang cho rau quả nhập khẩu từ một số nước hưởng thuế GSP (Hệ thống thuế quan phổ cập – Một hình thức ưu đãi đơn phương mà EU dành cho một số nhóm hàng hóa từ một số nước đang/kém phát triển theo tiêu chí mà EU đặt ra). Việt Nam cũng nằm trong nhóm nước được hưởng GSP với rau quả nhập khẩu vào EU từ nhiều năm nay.

Theo quy định của EU về GSP khi có FTA, Việt Nam sẽ tiếp tục hưởng cơ chế GSP song song cùng EVFTA trong thời gian 02

¹ MFN (Most Favoured Nation): Nguyên tắc đối xử tối huệ quốc
Thuế MFN là mức thuế mà 1 nước thành viên WTO áp dụng đối với hàng hóa đến từ các nước thành viên WTO khác và phải tuân thủ cam kết WTO của nước thành viên đó

năm kể từ khi EVFTA có hiệu lực (tức là đến hết 31/7/2022). Như vậy, kể từ ngày 1/8/2022, cơ chế ưu đãi thuế theo GSP đã tự động chấm dứt. Các doanh nghiệp Việt Nam từ nay khi xuất khẩu sang EU sẽ chỉ có thể áp dụng cơ chế ưu đãi thuế theo EVFTA. Theo một cam kết tại EVFTA, hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam vẫn có thể lựa chọn hưởng mức thuế GSP nhưng phải tuân thủ các điều kiện của EVFTA (về quy tắc xuất xứ), tuy nhiên với rau quả thì cam kết này ít ý nghĩa do ưu đãi thuế theo EVFTA cơ bản đã tốt bằng hoặc hơn ưu đãi GSP.

9

Cam kết về Quy tắc xuất xứ trong EVFTA

Để được hưởng ưu đãi thuế quan EVFTA khi xuất khẩu sang EU, sản phẩm rau quả của Việt Nam phải đáp ứng được quy tắc xuất xứ và được chứng nhận xuất xứ theo EVFTA.

Quy định của Việt Nam về việc thực hiện quy tắc xuất xứ hàng hóa trong EVFTA được nêu tại:

- Thông tư 11/2020/TT-BCT ngày 15/6/2020 của Bộ Công Thương quy định về quy tắc xuất xứ hàng hóa trong EVFTA (được đính chính bởi Quyết định 1949/QĐ-BCT ngày 24/7/2020);
- Công văn số 812/XNK-XXHH ngày 30/7/2020 hướng dẫn về chứng từ chứng nhận xuất xứ trong EVFTA

Trong EVFTA, quy tắc xuất xứ đối với tất cả các sản phẩm rau quả cụ thể như sau:

- Đối với các sản phẩm rau tươi và sơ chế thuộc Chương 07: Quy tắc Xuất xứ thuần túy.
- Đối với các sản phẩm quả tươi và sơ chế thuộc Chương 08: Quy tắc i) Nguyên liệu thuộc Chương 8 phải có Xuất xứ thuần túy, và; ii) Trọng lượng nguyên liệu đường không có xuất xứ không vượt quá 20% trọng lượng sản phẩm;
- Đối với các sản phẩm rau quả đã qua chế biến (Chương 20): Tùy thuộc vào từng dòng sản phẩm mà có quy tắc xuất xứ là Chuyển đổi Nhóm hay Xuất xứ thuần túy, cụ thể như sau:

Sản phẩm	Công đoạn gia công hoặc chế biến
Cà chua, nấm và nấm cục, đã chế biến hoặc bảo quản bằng cách khác trừ bảo quản bằng giấm hoặc axit axetic thuộc Nhóm 2002 và 2003 (chứ không phải toàn bộ Nhóm 2002 và 2003)	Nguyên liệu thuộc Chương 7 phải có Xuất xứ thuần túy.
Các sản phẩm còn lại của Nhóm 2002 và 2003, và tất cả các Nhóm còn lại của Chương 20 (2001, và 2004-2009)	Chuyển đổi Nhóm và trọng lượng nguyên liệu đường không có xuất xứ không vượt quá 20% trọng lượng sản phẩm

Thế nào là xuất xứ thuần túy theo EVFTA?

“Xuất xứ thuần túy” đối với sản phẩm rau quả thuộc Chương 07 và 08 Biểu thuế được hiểu là các sản phẩm rau quả phải được trồng và thu hoạch (hoặc thu lượm) tại một Bên (Việt Nam hoặc EU).

Điều này có nghĩa các công đoạn từ TRỒNG và THU HOẠCH sản phẩm rau quả phải ở Việt Nam, nhưng giống (hạt giống, cây giống) thì có thể nhập khẩu từ một nước bất kỳ.

Ví dụ, nhà sản xuất có thể nhập khẩu cây xoài giống Thái Lan về để trồng và thu hoạch xoài giống Thái Lan và vẫn đáp ứng được quy tắc xuất xứ thuần túy theo EVFTA.

10

Cam kết về thủ tục chứng nhận xuất xứ trong EVFTA

Quy định về thủ tục chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong EVFTA được áp dụng chung cho tất cả các loại hàng hóa, trong đó có rau quả.

Cơ chế chứng nhận xuất xứ

EVFTA quy định 02 loại cơ chế chứng nhận xuất xứ khác nhau, bao gồm:

- **Cấp giấy chứng nhận xuất xứ:** Cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp Giấy chứng nhận xuất xứ dựa trên các giấy tờ mà nhà xuất khẩu xuất trình;
- **Tự chứng nhận xuất xứ:** Nhà xuất khẩu tự phát hành chứng nhận xuất xứ cho hàng hóa của mình.

Phía EU thực hiện ngay cơ chế tự chứng nhận xuất xứ, áp dụng cho nhà xuất khẩu EU. Trong khi đó, Việt Nam áp dụng đồng thời cả 02 thủ tục (thủ tục cấp giấy chứng nhận xuất xứ bởi cơ quan có thẩm quyền cho đa số lô hàng và thủ tục tự chứng nhận xuất xứ bởi nhà xuất khẩu Việt Nam cho lô hàng có giá trị không vượt quá 6.000 euro) và chỉ chuyển sang áp dụng cơ chế tự chứng nhận xuất xứ cho toàn bộ hàng hóa khi thấy đủ điều kiện thích hợp để thực hiện.

Như vậy, hiện tại đối với hàng Việt Nam xuất khẩu đi EU thì doanh nghiệp sẽ thực hiện thủ tục chứng nhận xuất xứ hàng hóa như sau:

- Với lô hàng có trị giá không vượt quá 6.000 Euro, bất kỳ nhà xuất khẩu nào của Việt Nam cũng có thể tự chứng nhận xuất xứ;
- Với lô hàng có trị giá trên 6.000 Euro, vẫn tiếp tục áp dụng cơ chế chứng nhận xuất xứ truyền thống (cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận xuất xứ cho nhà xuất khẩu sau khi xác nhận các giấy tờ chứng minh mà nhà xuất khẩu xuất trình - đối với EVFTA Giấy chứng nhận xuất xứ là Mẫu EUR.1), Việt Nam có thể lựa chọn áp dụng cơ chế tự chứng nhận xuất xứ khi nào thấy thích hợp và sẽ thông báo cho phía EU trước khi thực hiện cơ chế này.

Giấy chứng nhận xuất xứ cho hàng Việt Nam xuất khẩu sang EU

Với các trường hợp cấp giấy chứng nhận xuất xứ, EVFTA có quy định về Mẫu giấy chứng nhận và Thời điểm cấp, nộp giấy chứng nhận như sau:

● *Mẫu Giấy chứng nhận xuất xứ EVFTA*

Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) EVFTA có mẫu EUR.1. Theo EVFTA, mẫu này áp dụng chung cho cả hàng hóa xuất khẩu từ EU và Việt Nam. Tuy nhiên, do EU đã áp dụng cơ chế tự chứng nhận xuất xứ bởi nhà xuất khẩu có đăng ký (hệ thống REX), mẫu EUR.1 trên thực tế chỉ áp dụng đối với hàng xuất khẩu từ Việt Nam đi EU.

Mẫu EUR.1 được quy định tại Phụ lục VII, Nghị định thư 1 EVFTA.

Thông tin khai báo trên mẫu EUR.1 được cho là đơn giản hơn so với mẫu C/O trong các FTA mà Việt Nam đã ký kết:

- Một số thông tin nhà xuất khẩu được phép lựa chọn khai báo hoặc không khai báo trên C/O mẫu EUR.1 (ví dụ nhà nhập khẩu, hành trình lô hàng, số hóa đơn thương mại...)
- Một số thông tin không bắt buộc thể hiện trên mẫu EUR.1 (như tiêu chí xuất xứ, mã số HS của hàng hóa...). Đây là một điểm khác so với các mẫu C/O theo các FTA khác của Việt Nam (các FTA này đều yêu cầu khai mã HS và tiêu chí xuất xứ của hàng hóa).

Thời hạn hiệu lực của C/O mẫu EUR.1 là 12 tháng kể từ ngày phát hành.

● Thời điểm cấp C/O mẫu EUR.1

Đối với hàng hóa xuất khẩu từ Việt Nam sang EU, cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam sẽ cấp C/O mẫu EUR.1 sớm nhất có thể nhưng không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày xuất khẩu hàng hóa (ngày tàu chạy được kê khai). Sau thời điểm này, C/O vẫn có thể được cấp nhưng chỉ trong một số trường hợp như quy định cụ thể tại Điều 17 Nghị định thư. Giấy này có thể được cấp lại trong trường hợp bị mất, thất lạc hoặc hư hỏng.

● Thời điểm nộp C/O

EVFTA không có quy định cụ thể về thời điểm nộp C/O EVFTA, mà cho phép từng Bên (Việt Nam/EU) tự quy định. Trên thực tế, đối với hàng hóa Việt Nam xuất khẩu sang EU, C/O có thể được nộp cho cơ quan hải quan phía EU sau thời điểm nhập khẩu hàng hóa vào EU không muộn hơn 02 năm.

Một số lưu ý về C/O mẫu EUR.1

- Về nội dung, C/O mẫu EUR.1 có các mục khá quen thuộc và đơn giản hơn so với Mẫu C/O trong các FTA trước đây nhưng vẫn có những điểm khác biệt, ảnh hưởng trực tiếp tới các loại giấy tờ mà doanh nghiệp cần cung cấp hoặc thông tin khai báo. Doanh nghiệp cần tra cứu kỹ quy định về vấn đề này tại Thông tư 11/2020/TT-BCT, Quyết định 1949/QĐ-BCT ngày 24/7/2020 và Công văn 812/XNK-XXHH ngày 30/7/2020 hướng dẫn về chứng từ chứng nhận xuất xứ trong EVFTA để bảo đảm tuân thủ, qua đó có thể được cấp C/O và hưởng ưu đãi thuế EVFTA.
- Về thời điểm, C/O mẫu EUR.1 có thể được cấp sau thời điểm xuất khẩu từ Việt Nam và nộp sau thời điểm nhập khẩu vào EU. Doanh nghiệp cần chú ý để tận dụng quy định này (cho các trường hợp không kịp xin C/O trước khi xuất hoặc xin hồi tố thuế quan ưu đãi EVFTA cho lô hàng mà trước đó chưa hưởng ưu đãi do chưa có C/O).

Cam kết về biện pháp vệ sinh an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật (SPS) trong EVFTA

Biện pháp vệ sinh an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật (gọi tắt là SPS) là tất cả các quy định, điều kiện, yêu cầu bắt buộc đối với hàng hóa nhập khẩu nhằm bảo vệ tính mạng, sức khỏe của con người, vật nuôi, động thực vật thông qua việc bảo đảm an toàn thực phẩm và/hoặc ngăn chặn sự xâm nhập của các dịch bệnh có nguồn gốc từ động thực vật.

Chương SPS của EVFTA nhấn mạnh trách nhiệm bảo đảm tuân thủ các nghĩa vụ về SPS theo WTO (chủ yếu là quy trình ban hành và thực thi các SPS) và bổ sung thêm một số cam kết mới.

Dưới đây là một số cam kết SPS đáng chú ý của EVFTA áp dụng chung cho tất cả các sản phẩm trong đó có rau quả.

I. Quyền áp dụng biện pháp SPS theo khu vực địa lý

Theo EVFTA, Việt Nam và EU được quyền áp dụng các biện pháp SPS riêng theo phân vùng địa lý tùy thuộc nguy cơ dịch bệnh và sâu bệnh.

Như vậy, đối với hàng xuất khẩu của Việt Nam sang EU, nếu Việt Nam có vùng nguy cơ dịch bệnh cao, có vùng nguy cơ thấp và có vùng không có nguy cơ trong cùng một thời điểm thì phía EU sẽ có quyền chủ động phân vùng địa lý theo nguy cơ dịch bệnh, áp dụng các biện pháp SPS khác nhau đối với hàng hóa nhập khẩu xuất phát từ các vùng có nguy cơ khác nhau của Việt Nam (có cân nhắc, tham vấn cách phân vùng nguy cơ của Việt Nam).

II. Quyền áp dụng các biện pháp SPS khẩn cấp

EVFTA có các cam kết riêng về các biện pháp SPS khẩn cấp (áp dụng trong trường hợp phát sinh vấn đề dịch tễ bất thường) bên cạnh cam kết về các biện pháp SPS thường xuyên.

Theo đó, đối với hàng xuất khẩu từ Việt Nam, nếu EU có quan ngại nghiêm trọng về một vấn đề SPS thì EU có quyền áp dụng các biện pháp SPS khẩn cấp mà không cần báo trước với điều kiện:

- Biện pháp khẩn cấp này phải được tính toán để ảnh hưởng thương mại ít nhất, và
- EU trong vòng 24 giờ phải thông báo cho Việt Nam về biện pháp này. Nếu Việt Nam có yêu cầu thì phải thực hiện tham vấn về tình trạng khẩn cấp liên quan trong vòng 10 ngày kể từ khi có thông báo.

III. Công nhận tương đương

Liên quan tới các biện pháp SPS, công nhận tương đương được hiểu là việc nước nhập khẩu công nhận rằng biện pháp SPS của nước xuất khẩu có hiệu quả tương đương với biện pháp SPS của mình và hàng nhập khẩu sẽ chỉ phải làm thủ tục kiểm soát SPS một lần tại nước xuất khẩu là đủ.

EVFTA cũng không có cam kết cụ thể nào bắt buộc việc công nhận tương đương này mà chỉ nêu cơ chế để tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc công nhận tương đương, nếu có (ví dụ phải tiến hành tham vấn trong vòng 3 tháng khi nhận được yêu cầu xem xét công nhận tương đương, phải hỗ trợ kỹ thuật để tạo thuận lợi cho việc xem xét...).

Hàng rào kỹ thuật đối với thương mại (gọi tắt là TBT) là các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật mà một nước áp dụng đối với hàng hoá và/hoặc quy trình đánh giá sự phù hợp của hàng hoá (cả nội địa và nhập khẩu) nhằm bảo đảm các mục tiêu chính sách khác nhau (bảo đảm an toàn, thông tin cho người tiêu dùng, bảo vệ môi trường...).

Đối với rau quả, các biện pháp TBT phổ biến nhất là yêu cầu ghi nhãn hàng hóa.

Quy định về Đánh dấu và Ghi nhãn hàng hóa trong EVFTA

EVFTA có một số cam kết về ghi nhãn và đánh dấu trên hàng hóa (trong đó có rau quả) đáng chú ý sau:

- Thông tin bắt buộc phải có trên dấu, nhãn hàng hóa chỉ bao gồm các thông tin có ý nghĩa đối với người tiêu dùng/người sử dụng sản phẩm, hoặc thông tin về sự phù hợp của sản phẩm với các quy chuẩn kỹ thuật bắt buộc;
- Trừ trường hợp vì lợi ích công cộng, nếu hàng hóa đã đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật bắt buộc liên quan thì không bắt buộc phải đăng ký hay xin phê duyệt nhãn hoặc dấu của hàng hóa đó trước khi lưu hành trên thị trường;
- Phải cho phép thực hiện gắn, bổ sung nhãn mác tại một địa điểm được chấp thuận trên lãnh thổ nước nhập khẩu (ví dụ kho ngoại quan tại cửa khẩu đến), tuy nhiên có thể yêu cầu giữ (không gỡ bỏ) nhãn cũ trên sản phẩm;
- Cho phép ghi thông tin bằng các ngôn ngữ bổ sung khác ngoài ngôn ngữ theo yêu cầu của nước nhập khẩu, hoặc bổ sung các thuật ngữ, chữ tượng hình, biểu tượng hoặc hình ảnh được chấp thuận quốc tế và các thông tin khác ngoài thông tin yêu cầu bởi nước nhập khẩu;

- Khuyến khích việc chấp thuận các loại dấu, nhãn mác không cố định, có thể tách/bóc ra khỏi hàng hóa hoặc các dạng nhãn mác đi kèm các tài liệu liên quan khác mà không gắn trực tiếp vào hàng hóa.

Chống bán phá giá (anti-dumping), chống trợ cấp (anti-subsidy, hoặc còn được gọi là biện pháp đối kháng “countervailing”), tự vệ (safeguard) là các biện pháp được quy định trong WTO, cho phép nước nhập khẩu được thực hiện để bảo vệ ngành sản xuất nội địa của mình trước hành vi cạnh tranh không lành mạnh (bán phá giá, bán hàng hóa được trợ cấp) hoặc hiện tượng nhập khẩu ồ ạt của hàng hóa nước ngoài gây thiệt hại.

Rau quả không phải là đối tượng thường xuyên bị áp dụng các biện pháp chống bán phá giá và chống trợ cấp. Tuy nhiên, trong bối cảnh xu hướng bảo hộ gia tăng và các biện pháp thuế quan được cắt giảm theo FTA, rau quả Việt Nam xuất khẩu có thể phải đối mặt với nguy cơ bị kiện phòng vệ thương mại nhiều hơn.

Các cam kết EVFTA về phòng vệ thương mại áp dụng chung đối với tất cả các loại hàng hóa trong đó có rau quả, cho cả Việt Nam và EU.

Trường hợp EU áp dụng biện pháp phòng vệ với rau quả Việt Nam thì theo EVFTA, EU sẽ phải tuân thủ thêm một số yêu cầu so với WTO như sau:

Về biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp

- Mức thuế chống bán phá giá/chống trợ cấp cao nhất có thể áp dụng là mức bằng với biên độ phá giá/trợ cấp, nhưng nỗ lực áp dụng mức thuế thấp hơn, miễn là đủ để loại bỏ thiệt hại của ngành sản xuất nội địa EU.
- Ngay cả khi đã đủ 03 điều kiện theo WTO (có phá giá/trợ cấp, có thiệt hại đáng kể và có mối liên hệ nhân quả), EU sẽ không áp dụng biện pháp chống bán phá giá/chống trợ cấp nếu việc này không phù hợp với “lợi ích công cộng”.

Trên thực tế EU đã, đang áp dụng các quy tắc này một cách tự nguyện với tất cả các nước nhập khẩu (có thể thay đổi nếu muốn). Tuy nhiên với EVFTA, việc áp dụng sẽ là bắt buộc.

Về biện pháp tự vệ song phương

- Ngoài biện pháp tự vệ toàn cầu (áp dụng với rau quả nhập khẩu từ tất cả các nước), EU có thể áp dụng biện pháp tự vệ song phương chỉ với rau quả từ Việt Nam trong 10 năm đầu từ khi EVFTA có hiệu lực;
- Việc áp dụng các biện pháp tự vệ song phương phải tuân thủ các điều kiện, thủ tục, hình thức riêng theo quy định của EVFTA.

EVFTA có một số cam kết về hải quan và tạo thuận lợi thương mại đáng chú ý mà doanh nghiệp xuất khẩu rau quả Việt Nam sang EU và nhà nhập khẩu tương ứng có thể tận dụng được sau:

- **Xác định trước:** Nếu doanh nghiệp có yêu cầu (bằng văn bản) về việc xác định trước về phân loại hàng hóa, trị giá hoặc xuất xứ hàng hóa, hải quan phía EU phải trả lời yêu cầu này.
- **Phương pháp quản lý rủi ro:** Hải quan phía EU phải áp dụng phương pháp quản lý thiết kế dựa trên mức độ rủi ro (chỉ tập trung kiểm soát hàng hóa có nguy cơ rủi ro cao mà không phải kiểm soát toàn bộ các lô hàng) trong tất cả các quy trình hải quan;
- **Không bắt buộc sử dụng đại lý hải quan:** Hải quan EU không yêu cầu việc bắt buộc doanh nghiệp sử dụng dịch vụ đại lý hải quan.

15

Cam kết về mở cửa đầu tư trong EVFTA

Trong WTO, Việt Nam chỉ có cam kết mở cửa đầu tư trong lĩnh vực dịch vụ mà không có cam kết gì về đầu tư trong lĩnh vực sản xuất. Trên thực tế, ngoại trừ một số lĩnh vực nhạy cảm, Việt Nam đã mở cửa cho đầu tư nước ngoài trong hầu hết các lĩnh vực sản xuất chế biến hàng hoá (trong đó sản xuất, chế biến rau quả). Tuy nhiên đây là mở cửa tự nguyện, không ràng buộc, có thể thay đổi theo nhu cầu chính sách từng thời kỳ.

Trong EVFTA, Việt Nam đã có cam kết mở cửa cho đầu tư của EU vào lĩnh vực sản xuất, theo đó Việt Nam cam kết mở cửa hoàn toàn cho EU về (i) đầu tư trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp ngoại trừ nuôi trồng động thực vật quý hiếm (tức là mở cửa cho sản xuất rau quả) và (ii) đầu tư vào lĩnh vực chế biến rau quả.

Như vậy, các nhà đầu tư của EU sẽ không bị hạn chế gì về tiếp cận thị trường khi đầu tư vào Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất chế biến rau quả.

EVFTA là một Hiệp định có tiêu chuẩn cao về SHTT. Đối với ngành rau quả, các nội dung liên quan trực tiếp và có nhiều cam kết cao hơn TRIPS (Hiệp định về các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ) là Bảo hộ chỉ dẫn địa lý và Bảo hộ dữ liệu cấp phép nông hóa phẩm (độc quyền dữ liệu).

I. Bảo hộ Chỉ dẫn địa lý

Chỉ dẫn địa lý, hiểu đơn giản là các chỉ dẫn về sản phẩm đặc biệt có nguồn gốc từ /gắn liền một khu vực địa lý hay vùng lãnh thổ nhất định, và là một đối tượng được bảo hộ SHTT. Đối với ngành rau quả Việt Nam, cam kết về chỉ dẫn địa lý rất có ý nghĩa đối với các sản phẩm rau quả địa phương mà Việt Nam có thể mạnh.

Trong EVFTA, EU cam kết bảo hộ đương nhiên cho 39 chỉ dẫn địa lý của Việt Nam, trong đó có 20 chỉ dẫn địa lý là sản phẩm rau quả. Theo đó, sau khi EVFTA có hiệu lực, các chỉ dẫn địa lý này của Việt Nam sẽ được bảo hộ tại EU mà không cần qua các thủ tục thẩm định, thông báo, khiếu nại... như quy trình thông thường.

CÁC CHỈ DẪN ĐỊA LÝ VỚI RAU QUẢ VIỆT NAM ĐƯỢC BẢO HỘ ĐƯƠNG NHIÊN THEO EVFTA

1. Bưởi Đoan Hùng	11. Mãng cầu Bà Đen
2. Thanh long Bình Thuận	12. Nho Ninh Thuận
3. Vải Thanh Hà	13. Bưởi Tân Triều
4. Cam Vinh	14. Hồng không hạt Bảo Lâm
5. Vải Lục Ngạn	15. Quýt Bắc Kạn
6. Xoài Hòa Lộc	16. Xoài Yên Châu
7. Chuối Đại Hoàng	17. Bưởi Bình Minh
8. Hồng không hạt Bắc Kạn	18. Bưởi Luận Văn
9. Bưởi Phúc Trạch	19. Vú sữa Vĩnh Kim
10. Hạt dẻ Trùng Khánh	20. Cam Cao Phong

II. Bảo hộ dữ liệu cấp phép đối với nông hóa phẩm

Nông hóa phẩm là các sản phẩm có chứa hóa chất phục vụ nông nghiệp, như thuốc bảo vệ thực vật, phân bón... Trồng trọt nói chung và trồng rau quả nói riêng là khu vực sử dụng khá nhiều nông hóa phẩm.

Cam kết SHTT đặc thù nhất trong EVFTA đối với nông hóa phẩm là cam kết về bảo hộ thông tin bí mật. Cụ thể, theo EVFTA, Việt Nam và EU phải bảo hộ dữ liệu thử nghiệm hoặc các dữ liệu bí mật khác được sử dụng để xin cấp phép lưu hành một nông hóa phẩm trong vòng 05 năm kể từ khi được cấp phép. Như vậy trong thời hạn trên, Cơ quan cấp phép sẽ không được tiết lộ các dữ liệu đó cho người khác trừ khi được sự đồng ý của người nộp dữ liệu ban đầu.

Cam kết về độc quyền dữ liệu đối với nông hóa phẩm có thể khiến giá các loại thuốc bảo vệ thực vật, phân bón sử dụng nhiều trong sản xuất rau quả bị đội giá hoặc khó giảm giá.

Ngành rau quả là một trong những ngành mà quá trình sản xuất và tiêu thụ có thể gây nhiều tác động đến môi trường cũng như có điều kiện lao động tương đối đặc thù. Chẳng hạn như quá trình trồng trọt rau quả có thể sử dụng các loại phân bón, thuốc bảo vệ thực vật gây ảnh hưởng tới môi trường; hay các doanh nghiệp sản xuất chế biến rau quả thường là doanh nghiệp nhỏ, điều kiện bảo hộ lao động còn hạn chế...


EU là một trong những đối tác rất quan tâm đến vấn đề phát triển bền vững, vì vậy đối tác này thường đưa vấn đề phát triển bền vững (lao động, môi trường, trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp...) vào trong các FTA của mình.

Trong EVFTA, vấn đề phát triển bền vững được đưa vào thành một Chương riêng, Chương 13 - Thương mại và phát triển bền vững. Ngoài ra, một số Chương khác của EVFTA cũng có nội dung liên quan tới mục tiêu phát triển bền vững (ví dụ Chương 7 về các rào cản phi thuế trong lĩnh vực năng lượng tái tạo...).

Các khía cạnh phát triển bền vững mà EVFTA có cam kết trong Chương 13 bao gồm:

- Lao động;
- Môi trường (trong đó có biến đổi khí hậu, đa dạng sinh học, quản lý rừng bền vững, quản lý nguồn tài nguyên sinh vật biển...);
- Các khía cạnh khác liên quan (ví dụ năng lượng tái tạo, trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, bảo trợ xã hội đối với các nhóm yếu thế...).

Về phạm vi, trong so sánh với CPTPP, các cam kết về phát triển bền vững của EVFTA được đánh giá là rộng hơn, bao trùm nhiều vấn đề hơn (CPTPP chỉ có 02 Chương là Lao động và Môi trường, không có Chương chung về Phát triển bền vững).



PHẦN III
TẬN DỤNG
EVFTA ĐỂ
TĂNG CƯỜNG
XUẤT KHẨU
RAU QUẢ
VIỆT NAM
SANG EU



18

Cơ hội cắt giảm thuế quan từ EVFTA cho rau tươi và sơ chế

Theo EVFTA, EU cam kết xóa bỏ thuế quan cho tất cả 10 nhóm sản phẩm rau tươi và sơ chế (theo nhóm HS 6 số) mà EU nhập khẩu nhiều nhất từ Việt Nam (năm 2021) ngay từ khi Hiệp định có hiệu lực (ngày 1/8/2020) (trừ 01 sản phẩm EU cam kết cho ưu đãi theo hạn ngạch thuế quan).

Trong khi đó, mức thuế GSP và MFN trung bình mà EU đang áp dụng đối với các sản phẩm này khá cao (xem Bảng 14).

Vì vậy, việc xóa bỏ thuế quan theo EVFTA đem lại lợi thế lớn cho các sản phẩm rau tươi và sơ chế của Việt Nam xuất khẩu vào EU, đặc biệt là các sản phẩm *ngô ngọt (071040), rau đã hoặc chưa hấp chín (071080), rau tươi, ướp lạnh (070999), nấm, nấm cục (071239, 071159), mộc nhĩ (071232)*.

BẢNG 5

SƠ SÁNH THUẾ QUAN EVFTA, MFN VÀ GSP ĐỐI VỚI TOP 10 SẢN PHẨM RAU TƯƠI VÀ SƠ CHẾ EU NHẬP KHẨU NHIỀU NHẤT TỪ VIỆT NAM NĂM 2021

Mã HS (6 số)	Tên sản phẩm	Cam kết EVFTA	Thuế MFN trung bình năm 2022	Thuế GSP trung bình năm 2022
071040	Ngô ngọt, đã hoặc chưa hấp chín hoặc luộc chín trong nước, đông lạnh.	A Riêng mã 07104000A - Ngô ngọt, trừ loại có đường kính lõi từ 8 mm trở lên nhưng không quá 12 mm: TRQ	5,1% + 9,4 EUR/100 kg/net eda	1,6% + 9,4 EUR / 100 kg/net eda

Mã HS (6 số)	Tên sản phẩm	Cam kết EVFTA	Thuế MFN trung bình năm 2022	Thuế GSP trung bình năm 2022
071080	Rau các loại, đã hoặc chưa hấp chín hoặc luộc chín trong nước, đông lạnh...	A	13,6%	10,49%
071159	Nấm và nấm cục, đã bảo quản tạm thời, nhưng không ăn ngay được (trừ nấm thuộc chi Agaricus)	A	9,6%	6,1%
071440	Khoai sọ "Colocasia spp.", tươi, ướp lạnh, đông lạnh hoặc khô, đã hoặc chưa thái lát hoặc làm thành dạng viên	A	0%	0%
070999	Các loại rau tươi hoặc ướp lạnh khác	A	9,44%	5,86%
071410	Củ sắn tươi, ướp lạnh, đông lạnh hoặc khô, đã hoặc chưa thái lát hoặc làm thành dạng viên	A	0%	0%
071239	Nấm, nấm cục, khô, ở dạng nguyên, cắt, thái lát, vụn hoặc ở dạng bột nhưng chưa chế biến thêm...	A	12,8%	9,3%
071232	Mộc nhĩ "Auricularia spp", ở dạng nguyên, cắt, thái lát, vụn hoặc ở dạng bột nhưng chưa chế biến thêm	A	12,8%	9,3%
071420	Khoai lang, tươi, ướp lạnh, đông lạnh hoặc khô, đã hoặc chưa thái lát hoặc làm thành dạng viên	A	3%	0%
071290	Rau, hỗn hợp các loại rau, khô, ở dạng nguyên, cắt, thái lát, vụn hoặc ở dạng bột nhưng chưa chế biến thêm (trừ tỏi, nấm, nấm cục, không trộn lẫn)	A	9,72%	6,84%

Ký hiệu: A: Xóa bỏ thuế quan ngay sau khi EVFTA có hiệu lực
TRQ: Áp dụng hạn ngạch thuế quan

19 Cơ hội cắt giảm thuế quan từ EVFTA cho quả tươi và sơ chế

Tất cả các sản phẩm quả tươi và sơ chế trong top 10 nhóm sản phẩm EU nhập khẩu nhiều nhất từ Việt Nam (năm 2021) đều được xóa bỏ thuế quan theo EVFTA ngay (trừ trường hợp ưu đãi riêng, áp dụng cho 01 sản phẩm thuộc nhóm quả chanh).

Mức thuế GSP và MFN trung bình mà EU đang áp dụng đối với các sản phẩm này tương đối cao (xem Bảng 15), do đó lợi thế từ việc cắt giảm thuế quan theo EVFTA là khá đáng kể.

Các sản phẩm quả tươi và chế biến có nhiều lợi thế từ EVFTA là *chanh vàng, chanh xanh (080550), mận khô (081320), sầu riêng tươi (081060), một số loại quả đông lạnh (081190)*.

BẢNG 6

SO SÁNH THUẾ QUAN EVFTA, MFN VÀ GSP ĐỐI VỚI TOP 10 SẢN PHẨM QUẢ TƯƠI VÀ SƠ CHẾ EU NHẬP KHẨU NHIỀU NHẤT TỪ VIỆT NAM NĂM 2021

Mã HS (6 số)	Tên sản phẩm	Cam kết EVFTA	Thuế MFN trung bình năm 2022	Thuế GSP trung bình năm 2022
081090	"Me, quả điều, mít, vải, hồng xiêm, mận, chanh leo, khế, thanh long và các loại trái cây ăn được khác, tươi (trừ một số loại quả đã có ở nhóm khác)	A	4,4%	2,65%
081190	Quả và quả hạch, đông lạnh, đã hoặc chưa hấp chín hoặc luộc chín trong nước, đông lạnh, đã hoặc chưa thêm đường hoặc chất tạo ngọt...	A	10,75%	5,2%

Mã HS (6 số)	Tên sản phẩm	Cam kết EVFTA	Thuế MFN trung bình năm 2022	Thuế GSP trung bình năm 2022
080550	Quả chanh vàng "Citrus limon, Citrus limonum" và quả chanh xanh "Citrus aurantifolia, Citrus latifolia", tươi hoặc khô			
	Chanh vàng "Citrus limon, Citrus limonum" – mã HS: 0805 50 10	A+EP	6,4% + (từ 0,9 đến 25,6) EUR/100kg (mức thuế tuyệt đối tùy thuộc vào giá nhập khẩu)	Không áp dụng
	- Các loại khác	A	12,8%	8,9%
080112	Dừa tươi còn nguyên sọ	A	0%	0%
080111	Dừa đã qua công đoạn làm khô	A	0%	0%
080450	Ổi, xoài và măng cụt, tươi hoặc khô	A	0%	0%
080540	Bưởi tươi hoặc khô	A	1,5%	0%
081320	Mận đỏ, khô	A	9,6%	6,1%
081060	Sầu riêng tươi	A	8,8%	5,3%
081340	Đào khô, lê, đu đủ, me và các loại trái cây ăn được khác, khô...	A	3,28%	1%

Ký hiệu: A: Xóa bỏ thuế quan ngay sau khi EVFTA có hiệu lực

A+EP: Xóa bỏ thuế tính theo giá trị hàng hóa (%) ngay khi EVFTA có hiệu lực nhưng vẫn giữ thuế tuyệt đối áp dụng đối với hàng hóa đó

20 Cơ hội cắt giảm thuế quan từ EVFTA cho rau quả chế biến

Trong EVFTA, EU cam kết loại bỏ thuế ngay từ ngày 1/8/2020 đối với tất cả 10 nhóm sản phẩm rau quả chế biến EU nhập khẩu nhiều nhất từ Việt Nam năm 2021 (theo mã HS 6 số như bảng bên dưới), trừ một sản phẩm nhóm ngô ngọt.

Do hiện tại các mức thuế MFN và GSP mà EU đang áp dụng đối với các sản phẩm rau quả chế biến tương đối cao (xem Bảng 16), EVFTA mang lại lợi thế đáng kể cho rau quả chế biến xuất khẩu sang EU, đặc biệt là *dứa (200820), các loại nước ép rau quả (200989), dưa chuột (200110), măng tre (200591), khoai tây (200410)*.

BẢNG 7 SO SÁNH THUẾ QUAN EVFTA, MFN VÀ GSP ĐỐI VỚI TOP 10 SẢN PHẨM RAU QUẢ CHẾ BIẾN EU NHẬP KHẨU NHIỀU NHẤT TỪ VIỆT NAM NĂM 2021

Mã HS (6 số)	Tên sản phẩm	Cam kết EVFTA	Thuế MFN trung bình năm 2022	Thuế GSP trung bình năm 2022
200989	Nước ép quả hoặc rau, chưa lên men, đã hoặc chưa pha thêm đường hoặc chất tạo ngọt khác...	A	18,87%	11,33%
200899	Quả và các phần ăn được khác của cây, đã chế biến hoặc bảo quản, đã hoặc chưa pha thêm đường hay chất tạo ngọt khác hoặc rượu...	A	16,25%	11,16%
200820	Dứa, đã chế biến hoặc bảo quản, đã hoặc chưa pha thêm đường hay chất tạo ngọt khác hoặc rượu...	A	20,91%	11,1%
200110	Dưa chuột và dưa chuột ri, đã chế biến hoặc bảo quản bằng giấm hoặc axit acetic	A	17,6%	14,1%

Mã HS (6 số)	Tên sản phẩm	Cam kết EVFTA	Thuế MFN trung bình năm 2022	Thuế GSP trung bình năm 2022
200410	Khoai tây, đã chế biến hoặc bảo quản bằng cách khác, trừ bảo quản bằng giấm hoặc axit axetic, đông lạnh	A	16%	12,5%
200591	Măng tre, đã chế biến hoặc bảo quản bằng cách khác, trừ bảo quản bằng giấm hoặc axit axetic, không đông lạnh	A	17,6%	12,3%
200897	Hỗn hợp quả và các phần ăn được khác của cây, đã chế biến hoặc bảo quản, đã hoặc chưa pha thêm đường hay chất tạo ngọt khác hoặc rượu	A	15,44%	7,38%
200490	Rau và hỗn hợp các loại rau, đã chế biến hoặc bảo quản bằng cách khác trừ bảo quản bằng giấm hoặc axit axetic, đông lạnh...	A	16,8%	12,98%
200811	Lạc, đã chế biến hoặc bảo quản (trừ bảo quản với đường)	A	12,2%	8,48%
200580	Ngò ngọt "Zea Mays var. Saccharata", đã chế biến hoặc bảo quản bằng cách khác trừ bảo quản bằng giấm hoặc axit axetic, đã đông lạnh	A Riêng mã HS 2005 80 00A - Ngò ngọt, trừ loại có đường kính lõi từ 8mm trở lên nhưng không quá 12mm: TRQ	5,1% + 9,4 EUR/100 kg/net eda	Không áp dụng

Ký hiệu: A: Xóa bỏ thuế quan ngay sau khi EVFTA có hiệu lực

TRQ: Áp dụng hạn ngạch thuế quan

Giải pháp tận dụng cam kết EVFTA

EVFTA có nhiều cam kết có lợi cho doanh nghiệp Việt Nam trong xuất khẩu rau quả với thị trường EU. Doanh nghiệp có thể hiện thực hóa các lợi ích này thông qua:

- *Tìm hiểu cam kết thuế quan:* Cam kết về thuế quan đối với sản phẩm rau quả của Việt Nam và EU được chi tiết trong Phụ lục 2-A của Chương 2 – Đối xử quốc gia và mở cửa thị trường hàng hóa của Hiệp định EVFTA. Cần lưu ý là các cam kết trong EVFTA là cam kết tối thiểu của mỗi Bên. Tuy nhiên, tùy thuộc vào nhu cầu trong từng thời kỳ, Việt Nam và EU có thể cắt giảm nhanh hơn so với cam kết trong EVFTA. Do đó, để biết chính xác nhất mức thuế quan EVFTA mà mỗi Bên áp dụng đối với sản phẩm tại một thời điểm nhất định cần căn cứ vào quy định nội địa hiện hành của từng Bên.
- *Tìm hiểu về Quy tắc và Thủ tục chứng nhận xuất xứ:* Để được hưởng ưu đãi thuế quan EVFTA, hàng hóa phải đáp ứng quy tắc và thủ tục chứng nhận xuất xứ trong Nghị định thư 1 – Quy định hàng hóa có xuất xứ và phương thức hợp tác quản lý hành chính. Việt Nam cũng đã nội luật hóa quy định về QTXX của EVFTA trong Thông tư 11/2020/TT-BCT ngày 15/6/2020 của Bộ Công Thương quy định về quy tắc xuất xứ hàng hóa trong EVFTA (đính chính bởi Quyết định số 1949/QĐ-BCT ngày 24/7/2020); và Công văn số 812/XNK-XXHH ngày 30/7/2020 hướng dẫn về chứng từ chứng nhận xuất xứ trong EVFTA.
- *Tìm hiểu các vấn đề khác có liên quan của Hiệp định,* đặc biệt là Hải quan và Tạo thuận lợi thương mại (Chương 4), Hàng rào kỹ thuật - TBT (Chương 5), Vệ sinh dịch tễ - SPS (Chương 6), Sở hữu trí tuệ (Chương 12)...

Cơ hội thu hút đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực rau quả

EVFTA được dự đoán sẽ có tác động tích cực giúp thu hút các nhà đầu tư nước ngoài, đặc biệt là từ EU, vào lĩnh vực sản xuất chế biến rau quả thông qua:

- Các cam kết mở cửa đầu tư hoàn toàn lĩnh vực sản xuất, chế biến rau quả;
- Môi trường kinh doanh của Việt Nam đang và tiếp tục được cải thiện theo hướng minh bạch hóa và thuận lợi hơn, bảo hộ đầu tư tốt hơn theo các chuẩn mực quốc tế trong các FTA thế hệ mới;
- Sức hút từ mạng lưới kết nối ưu tiên giữa Việt Nam với 53 thị trường qua 15 FTA.

EU là đối tác mạnh về sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, an toàn, thân thiện với môi trường. Sự tham gia của các nhà đầu tư EU vào sản xuất chế biến rau quả Việt Nam được kỳ vọng sẽ góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh chung của ngành và cơ hội học hỏi, hợp tác cho đối tác Việt Nam.

Cơ hội cắt giảm chi phí sản xuất, cải thiện năng lực cạnh tranh

Trong EVFTA, Việt Nam cũng cam kết xóa bỏ thuế quan cho nhiều nguyên liệu, nông hóa phẩm, máy móc thiết bị phục vụ sản xuất chế biến rau quả cho EU. Điều này giúp doanh nghiệp rau quả Việt Nam có thể mua các sản phẩm này của EU với giá tốt hơn, qua đó, doanh nghiệp có thể cải thiện quy trình sản xuất, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.

Cơ hội khác từ việc tiết giảm các rào cản phi thuế quan

Các cam kết về các biện pháp phi thuế quan của EU cho hàng hóa của Việt Nam như các thủ tục hải quan thuận lợi, ít rào cản, các

quy trình minh bạch, rút gọn hơn về SPS, TBT... có thể góp phần giúp cho mặt hàng rau quả của Việt Nam tiếp cận thị trường EU dễ dàng hơn.

Cơ hội từ các cam kết bảo hộ Chỉ dẫn địa lý

Trong EVFTA, EU cam kết bảo hộ 20 Chỉ dẫn địa lý đối với rau quả của Việt Nam (xem thêm Câu 23). Điều này giúp cho các sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý này khi tiếp cận thị trường EU sẽ được bảo hộ đương nhiên mà không cần phải thông qua các thủ tục xin bảo hộ phức tạp. Nếu được quảng bá phù hợp, các sản phẩm rau quả được bảo hộ chỉ dẫn địa lý sẽ có giá trị thương hiệu tốt hơn, có thể bán với giá cao hơn.

Một số giải pháp tận dụng cơ hội từ EVFTA cho doanh nghiệp rau quả Việt Nam

EVFTA có nhiều cam kết có lợi cho doanh nghiệp Việt Nam trong việc tăng cường xuất nhập khẩu rau quả với thị trường EU. Do đó, doanh nghiệp cần tìm hiểu kỹ các nội dung liên quan của EVFTA để có thể tận dụng được tối đa các lợi ích của Hiệp định, đồng thời nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm cũng như các dịch vụ chăm sóc khách hàng của mình để có thể giữ được các khách hàng hiện tại cũng như tìm kiếm được các khách hàng tiềm năng.

- *Tìm hiểu các cam kết EVFTA liên quan đến ngành rau quả:* Các cam kết có tác động nhiều đến ngành rau quả trong EVFTA là các cam kết về Thuế quan, Quy tắc và thủ tục xuất xứ, Phòng vệ thương mại, Hải quan và Tạo thuận lợi thương mại, TBT, SPS, Đầu tư, Sở hữu trí tuệ... Doanh nghiệp cần tìm hiểu kỹ để biết được những cơ hội và quyền lợi của mình từ những cam kết này để tận dụng tăng cường xuất khẩu sản phẩm của mình sang EU. Doanh nghiệp có thể tự tìm hiểu thông qua các các trang web và tài liệu cung cấp thông tin/hướng dẫn của các cơ quan nhà nước, hiệp hội và các tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp; hoặc thuê các đơn vị tư vấn để tư vấn theo từng vụ việc cho doanh nghiệp về các giải pháp cụ thể tận dụng cơ hội từ EVFTA.

- *Nâng cao năng lực cạnh tranh:* EU là thị trường xuất khẩu rau quả rất tiềm năng do nhu cầu lớn nhưng thị trường này cũng đã tồn tại nhiều đối thủ cạnh tranh. Do đó, để tiếp cận và phát triển bền vững ở thị trường EU, doanh nghiệp xuất khẩu rau quả của Việt Nam, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, cần có chiến lược cạnh tranh hiệu quả cho sản phẩm của mình, như nghiên cứu thị trường và thị hiếu người tiêu dùng, chú trọng xây dựng thương hiệu, quảng bá sản phẩm, áp dụng các quy trình sản xuất rau quả sạch và an toàn, đầu tư vào công nghệ sản xuất nâng cao chất lượng sản phẩm, chú trọng các dịch vụ chăm sóc khách hàng sau bán hàng....

Bên cạnh những cơ hội, Hiệp định EVFTA cũng đặt ra một số thách thức cho xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang EU, trong đó phải kể đến:

Nguy cơ gia tăng các rào cản phi thuế quan

EU vốn là khu vực sử dụng nhiều các biện pháp phi thuế, đặc biệt là các quy định về vệ sinh dịch tễ, an toàn thực phẩm, ghi nhãn, đóng gói... đối với rau quả nhập khẩu. Lợi thế từ ưu đãi thuế quan theo EVFTA có thể giúp rau quả Việt Nam cạnh tranh hơn ở thị trường EU, nhưng đồng thời cũng làm gia tăng nguy cơ các ngành sản xuất nội địa Khối này thúc đẩy việc áp dụng tăng cường các biện pháp phi thuế.

Tuy nhiên, nguy cơ này không quá lớn đối với rau quả nhiệt đới mà EU không trồng hoặc có nhu cầu nhập khẩu lớn.

Thách thức gia tăng chi phí cho doanh nghiệp từ các cam kết về Sở hữu trí tuệ, lao động, phát triển bền vững trong EVFTA

Thực hiện các cam kết về lao động, môi trường, phát triển bền vững trong EVFTA, Việt Nam có thể sẽ gia tăng quy định pháp luật và/hoặc siết chặt thực thi pháp luật về quyền của người lao động, các chuẩn bảo vệ môi trường ... Xu hướng này có thể sẽ làm gia tăng chi phí sản xuất, chế biến rau quả.

Giải pháp ứng phó với các rào cản phi thuế quan của thị trường EU

Ngoài các vấn đề về thuế quan và thủ tục xuất xứ, khi xuất khẩu sản phẩm rau quả sang EU, các doanh nghiệp Việt Nam cũng cần chú ý đáp ứng đầy đủ các quy định nhập khẩu bắt buộc khác của EU, đặc biệt là các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn sinh học, các yêu cầu về đóng gói, ghi nhãn... Để biết được các quy định nhập khẩu cụ thể của EU đối với sản phẩm rau quả của mình, doanh nghiệp có thể tra cứu trên các trang thông tin chính thức của EU, hoặc Hệ thống dữ liệu Tiếp cận thị trường của EU (Access2Market – xem thêm Câu 19)

Đồng thời, do các nhà nhập khẩu EU thường xuyên có các yêu cầu bổ sung, đặc biệt là các chứng chỉ/chứng nhận, nên các doanh nghiệp xuất khẩu cần trao đổi cụ thể với nhà nhập khẩu để tìm hiểu các yêu cầu của họ để cân nhắc, tính toán khả năng đáp ứng cũng như chi phí phát sinh, đồng thời lên kế hoạch thực hiện (đặc biệt nếu việc đáp ứng đòi hỏi phải điều chỉnh quy trình sản xuất, chế biến sản phẩm liên quan).

Ngoài ra, các doanh nghiệp sản xuất rau quả tươi nên xem xét gia tăng mức độ chế biến cho sản phẩm của mình vì rau quả qua chế biến sẽ hạn chế được nhiều nguy cơ mất vệ sinh an toàn thực phẩm và an toàn sinh học. Ngoài ra, xuất khẩu rau quả chế biến có thể có giá trị gia tăng và lợi nhuận cao hơn so với rau quả tươi.

23

Quy trình xuất khẩu sang EU tận dụng EVFTA

Để tận dụng EVFTA giúp đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa nói chung và xuất khẩu rau quả nói riêng sang EU, doanh nghiệp được gợi ý thực hiện theo các bước như sau:

BƯỚC 1 **Tìm kiếm thị trường và khách hàng mục tiêu**

Để có thể xuất khẩu được, trước tiên doanh nghiệp cần phải xác định được thị trường xuất khẩu và khách hàng mục tiêu.

- **Làm thế nào để xác định được thị trường mục tiêu?**

Doanh nghiệp có thể xác định được thị trường xuất khẩu tiềm năng bằng cách tìm hiểu về nhu cầu nhập khẩu mặt hàng cụ thể mà doanh nghiệp đang định hướng xuất khẩu cũng như cân nhắc về khả năng cạnh tranh của sản phẩm tại thị trường xuất khẩu đó (đối thủ cạnh tranh, tốc độ tăng trưởng nhập khẩu...).

Số liệu thống kê thương mại của các nước có thể được tiếp cận (miễn phí) qua các công cụ tra cứu trực tuyến như Trademap, Macmap (tất cả các thị trường), Access2Markets (EU)...

- **Làm thế nào để xác định được người mua tiềm năng?**

Doanh nghiệp có thể tìm kiếm được các đối tác và thông tin liên hệ của họ thông qua các kênh đa dạng, trong đó đáng chú ý có:

- Các hội chợ triển lãm thương mại quốc tế (đặc biệt hội chợ chuyên ngành nông nghiệp, thực phẩm);
- Các Kênh kết nối đối tác như các Diễn đàn doanh nghiệp (nhân dịp các chuyến thăm viếng của lãnh đạo cấp cao Việt Nam và các nước), các Đầu mối thông tin đối tác, thị trường và hỗ trợ xuất khẩu (của các Thương vụ Việt Nam tại một số thị trường, các Hiệp hội doanh nghiệp nước ngoài hoặc Việt Nam)...

BƯỚC 2 Chuẩn bị xuất khẩu

● *Tìm hiểu các quy định xuất nhập khẩu hàng hóa và các cam kết của Hiệp định EVFTA*

Để xuất khẩu từ Việt Nam vào EU, doanh nghiệp cần phải tìm hiểu chi tiết về các yêu cầu, quy định quản lý với mặt hàng ở cả đầu xuất khẩu và đầu nhập khẩu, đồng thời tìm hiểu kỹ về các cam kết EVFTA để tận dụng, nếu có thể:

- *Tìm hiểu quy định xuất khẩu của Việt Nam*

Rau quả tươi, sơ chế và rau quả chế biến không thuộc diện hàng hóa bị cấm xuất khẩu hay xuất khẩu theo giấy phép, điều kiện của Việt Nam.

Tuy nhiên, EU có quy định bắt buộc rau quả tươi trước khi xuất khẩu phải có giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật (trừ một số loại rau quả như như dưa, chuối, sầu riêng, chà là). Do đó nhiều sản phẩm rau quả bắt buộc phải có chứng nhận kiểm dịch tại đầu Việt Nam trước khi xuất khẩu sang EU.

- *Tìm hiểu các quy định nhập khẩu từ phía EU*

Để xuất khẩu sang EU, rau quả phải đáp ứng đầy đủ các quy định nhập khẩu khác nhau của khu vực này (đặc biệt là các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm, kiểm dịch thực vật và ghi nhãn...).

Phần lớn trường hợp việc kiểm soát việc tuân thủ các điều kiện có thể được thực hiện tại cảng đến ở EU, tuy nhiên nhiều trường hợp EU yêu cầu lô hàng phải có các chứng nhận/chứng chỉ liên quan được cấp bởi các cơ quan có thẩm quyền Việt Nam trước khi xuất khẩu.

Doanh nghiệp cần phải tìm hiểu chi tiết về các quy định nhập khẩu của EU để tuân thủ đầy đủ (xem thêm câu 2, 3, 4 – Phần I về quy định nhập khẩu rau quả tươi/sơ chế và rau quả chế biến của EU).

- *Tìm hiểu các cam kết của Hiệp định EVFTA*

Doanh nghiệp cần chủ động tìm hiểu kỹ các cam kết của EU trong EVFTA, đặc biệt là cam kết thuế quan, quy tắc xuất xứ và thủ tục chứng nhận xuất xứ để hưởng ưu đãi thuế quan. Đây là cơ sở để doanh nghiệp thuyết phục người mua EU về lợi thế giá của rau quả Việt Nam khi chào hàng, ký kết hợp đồng, và có thể cung cấp C/O mẫu EUR.1 cho nhà nhập khẩu EU khi xuất hàng.

● **Đăng ký/xin cấp phép xuất khẩu**

Doanh nghiệp có nhiều cách khác nhau để đưa được sản phẩm của mình đến tay người tiêu dùng EU: có thể xuất khẩu trực tiếp đến khách hàng tại nước xuất khẩu; thông qua trung gian, hoặc thông qua các nền tảng thương mại trực tuyến...

- Cá nhân không thể trực tiếp xuất khẩu hàng hóa mà phải là một pháp nhân có đăng ký thành lập doanh nghiệp mới có thể thực hiện việc này. Đăng ký thành lập doanh nghiệp có thể được thực hiện trực tuyến tại Cổng thông tin Quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp (dangkykinhdoanh.gov.vn).
- Đăng ký sử dụng chữ ký số tại trang web của Tổng cục Hải quan tại: <https://www.customs.gov.vn/SitePages/DangKyDoanhNghiepSuDungChuKySo.aspx>. Chú ý, Chữ ký số phải được đăng ký trước tại một nhà cung cấp dịch vụ chữ ký số đã được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp phép. Sau khi có Chữ ký số thì doanh nghiệp đăng ký sử dụng Chữ ký số đó cho việc khai hải quan điện tử tại trang web của Tổng cục Hải quan.
- Đăng ký sử dụng Hệ thống Thông quan Tự động (VNACCS): Việc khai hải quan được thực hiện qua Hệ thống VNACCS. Để có thể sử dụng hệ thống này, người khai hải quan phải đăng ký sử dụng tại trang web của Tổng cục Hải quan theo đường dẫn: <https://dknsd.customs.gov.vn/Pages/dn.aspx>.
- Đăng ký kiểm tra chuyên ngành đối với các hàng hoá thuộc diện kiểm tra chuyên ngành tại các cơ quan chức năng thuộc Bộ liên quan. Đối với sản phẩm rau quả tươi là đăng ký kiểm dịch thực vật (nếu cần thiết).

- Xin cấp giấy phép xuất khẩu tại các Bộ, cơ quan ngang Bộ có thẩm quyền cấp giấy phép đối với trường hợp sản phẩm thuộc diện xuất khẩu theo giấy phép. Tuy nhiên, các sản phẩm rau quả không thuộc diện phải xin giấy phép xuất khẩu.

BƯỚC 3 Xác định phân loại hàng hóa xuất khẩu

Doanh nghiệp cần xác định phân loại (HS) cho hàng hóa để khai hải quan (bắt buộc) và xin cấp C/O (nếu có).

Về mã HS, tất cả các nước phải áp dụng thống nhất 6 số đầu tiên trong hệ thống HS được xây dựng và cập nhật bởi Tổ chức Hải quan Thế giới (WCO), sau đó, mỗi quốc gia có thể chia nhỏ tiếp sản phẩm bằng cách áp thêm 2 hoặc 4 số tiếp theo vào sau 6 số HS đầu tiên đó.

- Việt Nam hiện đang áp dụng hệ thống HS chi tiết đến 8 số: Mã HS của Việt Nam sẽ áp dụng cho tờ khai xuất khẩu.
- EU cũng áp dụng thống nhất một hệ thống HS 8 số trên toàn EU. Hệ thống này sẽ được sử dụng cho việc áp thuế quan cho tất cả hàng hóa nhập khẩu vào khu vực này. Tuy nhiên, một số nước thành viên có quy định chi tiết hơn đến 10 số, 11 số nhằm sử dụng cho việc áp thuế VAT và một số mục đích khác: Mã HS của EU (và/hoặc thành viên EU) sẽ áp dụng cho tờ khai nhập khẩu;
- Mã HS của hàng hóa khai để cấp C/O ưu đãi chỉ bao gồm 06 số (thống nhất ở tất cả các thành viên WCO, trong đó có Việt Nam và EU).

Doanh nghiệp có thể tìm hiểu chi tiết về Hệ thống HS của EU tại trang web của Ủy ban châu Âu (https://commission.europa.eu/index_en) theo đường dẫn cụ thể: https://taxation-customs.ec.europa.eu/customs-4/calculation-customs-duties/customs-tariff/harmonized-system-general-information_en

Doanh nghiệp có thể tra cứu mã HS của hàng hóa theo hệ thống mã HS của EU tại trang web của Hải quan châu Âu (<https://www.tariffnumber.com/>)

BƯỚC 4 Khai và truyền tờ khai hải quan, nộp các loại phí và thông quan xuất khẩu

● Khai hải quan

Việc khai hải quan có thể chuẩn bị trước bằng cách điền sẵn các thông tin trên phần mềm khai hải quan điện tử. Sau khi tờ khai hải quan được truyền đi, hệ thống sẽ tự động phân luồng:

Luồng xanh: Nếu hệ thống VNACCS phản hồi luồng Xanh, nhà xuất khẩu được miễn kiểm tra hồ sơ và hàng hóa.

Luồng vàng: Nếu hệ thống gửi phản hồi luồng Vàng, người xuất khẩu phải nộp hồ sơ để Hải quan kiểm tra, bao gồm các giấy tờ sau:

- Vận đơn;
- Hóa đơn thương mại;
- Phiếu đóng gói hàng hóa;
- Giấy phép xuất khẩu (đối với trường hợp hàng hóa thuộc diện phải có Giấy phép xuất khẩu);
- Giấy thông báo miễn kiểm tra hoặc Giấy thông báo kết quả kiểm tra của cơ quan kiểm tra chuyên ngành (đối với trường hợp hàng hóa thuộc diện phải kiểm tra chuyên ngành);
- Các giấy tờ khác theo yêu cầu.

Luồng đỏ: Nếu hệ thống phản hồi luồng đỏ, người xuất khẩu sẽ phải nộp hồ sơ như trong trường hợp Luồng vàng và cơ quan Hải quan sẽ tiến hành kiểm tra thực tế hàng hóa trong trường hợp này.

- **Nộp phí**

Gia vị không phải là mặt hàng thuộc nhóm đối tượng chịu thuế xuất khẩu. Do đó, doanh nghiệp không cần phải nộp thuế suất khi xuất khẩu mặt hàng này sang EU. Tuy nhiên, để có thể được thông quan và giải phóng hàng hóa, doanh nghiệp cần hoàn thành đầy đủ các loại phí, bao gồm: phí lưu kho, phí xử lý hàng hóa...

**24**

Các công cụ tra cứu thương mại miễn phí cho doanh nghiệp

Doanh nghiệp có thể tự tra cứu thông tin thị trường EU thông qua các công cụ sẵn có và miễn phí sau:

Công cụ TradeMap - Bản đồ Thương mại của ITC
(trademap.org):

Trade Map cung cấp số liệu về xuất nhập khẩu và thuế quan của từng sản phẩm của từng quốc gia với từng đối tác. Thông qua TradeMap, người dùng có thể tìm hiểu được thể mạnh xuất khẩu/nhu cầu nhập khẩu của từng đối tác thương mại và các đối thủ cạnh tranh hiện tại.

TradeMap cung cấp số liệu theo từng năm, theo từng mã HS ở cấp 2, 4, hoặc 6 số, theo giá trị hoặc tỷ lệ phần trăm... Người dùng có thể trích xuất thông tin dưới dạng bảng, biểu đồ hoặc bản đồ và lọc các dữ liệu cần trích xuất theo sản phẩm, nhóm sản phẩm, nền kinh tế hoặc khu vực nền kinh tế.

Công cụ MacMap - Bản đồ Tiếp cận thị trường của ITC
(macmap.org):

MacMap là công cụ tra cứu các rào cản thuế quan và phi thuế quan áp dụng đối với một hàng hóa cụ thể xuất khẩu từ một thị trường cụ thể sang một thị trường khác. Thông tin thuế trên MacMap bao gồm mức thuế Tối huệ quốc (MFN) của WTO và thuế ưu đãi đơn phương (như GSP của EU) và thuế ưu đãi FTA hoặc thỏa thuận khác. Thông tin biện pháp phi thuế của MacMap bao gồm hạn ngạch nhập khẩu, các biện pháp PVTM, và các yêu cầu về chứng nhận...

Công cụ Rule of Origin Facilitator - Công cụ tra cứu Quy tắc xuất xứ của ITC (findrulesoforigin.org):

Công cụ này cung cấp cơ sở dữ liệu về QTXX trong hơn 350 hiệp định thương mại của hơn 190 quốc gia trên toàn thế giới. Ngoài dữ liệu về QTXX, trang web này cũng cung cấp cơ sở dữ liệu về thuế MFN, GSP và thuế quan theo các FTA. Do đó, đây là công cụ hữu ích giúp các doanh nghiệp nắm bắt quy tắc xuất xứ để được hưởng ưu đãi theo các Hiệp định, từ đó tận dụng các cơ hội thương mại mà các FTA mang lại.

Công cụ Tariff Analysis Online (TAO) - Phân tích thuế quan trực tuyến của WTO (tao.wto.org):

Công cụ này cho phép tra cứu các mức thuế quan (MFN, GSP, FTA...) mà một nước áp dụng đối với một sản phẩm cụ thể. TAO cung cấp thông tin về thuế quan chi tiết đến từng dòng thuế theo hệ thống HS của từng nước và cả các thông tin về thuế quan trung bình theo nhóm sản phẩm.

Công cụ Access2Markets - Cơ sở dữ liệu về tiếp cận thị trường của EU (<https://trade.ec.europa.eu/access-to-markets/en/home>):

Hệ thống dữ liệu Access2Markets do Ủy ban châu Âu xây dựng nhằm hỗ trợ các hoạt động xuất nhập khẩu của doanh nghiệp EU cũng như các doanh nghiệp đối tác xuất nhập khẩu của EU.

Access2Markets cung cấp (i) số liệu thống kê về xuất nhập khẩu của EU đối với một mặt hàng cụ thể với một đối tác cụ thể; (ii) thông tin về thuế quan, hàng rào kỹ thuật, thủ tục hải quan, QTXX đối với hàng hóa nhập khẩu vào EU...

Trang web của Trung tâm Xúc tiến Nhập khẩu từ các nước đang phát triển (CBI) (<https://www.cbi.eu>):

Trang web này cung cấp các thông tin thị trường EU như nhu cầu, xu hướng cũng như các quy định nhập khẩu bắt buộc/bổ sung đối với một số nhóm hàng cụ thể khi nhập khẩu vào EU như: rau quả, ngũ cốc, ca cao, cà phê, dệt may, giày dép, thủy sản, rau quả...

Công cụ World Development Indicators (WDI) của Ngân hàng Thế giới:

WDI cung cấp thông tin về hơn 1.400 chỉ số phát triển (GDP, dân số, lao động, lạm phát, tỷ giá...) của 217 nền kinh tế và hơn 40 nhóm nước trong khoảng thời gian hơn 50 năm. Công cụ này rất hữu ích nếu doanh nghiệp muốn tìm hiểu thông tin tổng quan về tình hình kinh tế, dân số, lạm phát, thất nghiệp, thương mại, đầu tư... của từng nước trên thế giới hoặc so sánh giữa các nước với nhau.

Doanh nghiệp có thể tìm hiểu chi tiết về cách sử dụng của các công cụ kể trên bằng cách truy cập vào trang web của Trung tâm WTO và Hội nhập - VCCI theo đường link sau: <https://trungtamwto.vn/thong-ke/300-searching-tools/1>.



25

Các nguồn thông tin và hỗ trợ thương mại cho doanh nghiệp

Doanh nghiệp có thể tự tìm hiểu cam kết EVFTA cũng như các thông tin thị trường EU tại các cơ quan, tổ chức, cơ sở dữ liệu và trang web dưới đây:

Các trang thông tin về nội dung cam kết EVFTA chính thức:



<https://fta.moit.gov.vn/>



<https://ec.europa.eu/trade/policy/in-focus/eu-vietnam-agreement/>

Các đơn vị thông tin và tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp về thực thi EVFTA:

Trung tâm WTO và Hội nhập - Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam

🏠 Địa chỉ: Số 9 Đào Duy Anh - Đống Đa - Hà Nội

☎ Tel: 024 35771458

📠 Fax: 024 35771459

✉ Email: banthuky@trungtamwto.vn

🌐 Website: www.trungtamwto.vn / www.wtocomer.vn

Phòng Xuất xứ hàng hóa - Cục Xuất Nhập khẩu - Bộ Công Thương

🏠 Địa chỉ: Số 54 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội

☎ Tel: 024.2220.5444/2468

✉ Email: co@moit.gov.vn

Vụ Chính sách Thương mại Đa biên - Bộ Công Thương


🏠 Địa chỉ: Số 54 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội

☎ Tel: 024 2220 5412

📠 Fax: 024 2220 2525

✉ Email: VCSTMDB@moit.gov.vn

Cục Xúc tiến Thương mại - Bộ Công Thương

 Địa chỉ: 20 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội

 Tel: 024 39347628


 Fax: 024 39348142 / 39344260

 Email: vietrade@vietrade.gov.vn

 Website: www.vietrade.gov.vn

Vụ Thị trường châu Âu - châu Mỹ, Bộ Công Thương


 Địa chỉ: Nhà B, Số 54 Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

 Tel: 024 2220 5380 / 024 2220 5381 / 024 2220 5382

 Fax: 024 2220 5376 / 024 2220 2525

Vụ Hợp tác Quốc tế - Bộ Tài chính

 Địa chỉ: Số 28 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội

 Tel: 024-2220 2828

 Fax: 024-2220 8091

Tổng cục Hải quan - Bộ Tài chính


 Địa chỉ: Số 9 Dương Đình Nghệ, Hà Nội

 Tell: 024 39440833

 Website: www.customs.gov.vn

Văn phòng TBT Việt Nam - Bộ Khoa học và Công nghệ

 Địa chỉ: Số 8 Hoàng Quốc Việt, Hà Nội


 Tel: 024-37912145/37912146

 Email: tbtvn@tcvn.gov.vn

 Website: tbt.gov.vn

Văn phòng SPS Việt Nam - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn


 Địa chỉ: Số 10 Nguyễn Công Hoan, Hà Nội


 Tel: 024-37344764

 Email: spsvietnam@mard.gov.vn

 Website: www.spsvietnam.gov.vn

Cục Bảo vệ thực vật - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

 Địa chỉ: Số 149 Hồ Đắc Di, Hà Nội

 Tel: (024) 3851 9451

 Email: bvtv@mard.gov.vn

 Website: ppd.gov.vn

CÁC CƠ QUAN THƯƠNG VỤ VIỆT NAM TẠI EU

STT	Tên nước	Địa chỉ	Điện thoại	Email
1	Pháp, Bồ Đào Nha, Monaco, Andorra	44, Avenue de Madrid, 92 200 Neuilly sur Seine, France	+33 1 46 24 85 77	fr@moit.gov.vn
2	Bỉ và EU	198 Chaussee de Vleurgat, Bruxelles 1000, Belgium	(+32)2 343 6295	be@moit.gov.vn
3	Italia, Hy Lạp, Síp, Malta, Sanmarino	Via Po 22, 00198 Roma, Italia	(+39) 06 841 391	it@moit.gov.vn
4	Đức	Rosa Luxemburg Strasse 7 - 10178 Berlin Bundesrepublik Deutschland - Germany	(+49) 30 229 819	de@moit.gov.vn
5	Hà Lan	261 Laan Van New Oost-Indie, 2593 BR, The Hague, The Netherlands	(+31) 70 381 559	nl@moit.gov.vn
6	Áo, Slovenia	Sieveringerstrasse 77, 1190 Wien, Austria	+43 1 328 8915	at@moit.gov.vn
7	Ba Lan, Estonia, Litva	Ul. Polna 48 m. 17, 00-644 Warszawa, Poland	+48 22 825 12 11	pl@moit.gov.vn
8	Bungary, Macedonia	1, Jetvarka Str., 1113 Sofia Bulgaria	(00 3592) 9633.1	bg@moit.gov.vn
9	Hungary, Croatia	1141 Budapest, Thokoly út 41	(+36) 1 342 5583	hu@moit.gov.vn
10	Anh, Ailen	108 Campden Hill Road, London W8 7AR	(+44) 20 3524 17	uk@moit.gov.vn
11	Rumani	Bd. Iancu de Hunedoara, No. 66, Apt. 46, sector 1, Bucuresti - Romania	+40 21 211 37 38	ro@moit.gov.vn
12	Czech	Rasinovo Nabrezi 38, 128 00 Praha 2, Czech Republic	+420 224 942 235	cz@moit.gov.vn
13	Tây Ban Nha	Paseo de la Castellana, 166, Esc.2, 2º Izq, 28046 Madrid, Spain	+34 91 345 05 19	espa@moit.gov.vn
14	Thụy Điển, Đan Mạch, Phần Lan, Latvia	Upplandsgatan 38, 5th Floor, 11328 Stockholm, Sweden	+46 8 322 666	se@moit.gov.vn

Dự án Tăng cường năng lực xuất khẩu cho DNNVV trong ngành hàng gia vị, rau quả Việt Nam



- Do Liên minh châu Âu tài trợ.
- Được phối hợp thực hiện bởi tổ chức Oxfam tại Việt Nam cùng Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.
- Thời gian: 1/2022 - 12/2023.

Mục tiêu dự án

Dự án SFV – Export hỗ trợ DNNVV trong ngành hàng gia vị, rau quả tăng cường năng lực xuất khẩu, góp phần nâng cao năng lực của ngành cùng danh tiếng của các sản phẩm nông nghiệp Việt Nam, từ đó gia tăng xuất khẩu các mặt hàng này, đặc biệt vào thị trường EU.

Dự án thực hiện mục tiêu trên thông qua:

- i Hỗ trợ kỹ thuật để tuân thủ các tiêu chuẩn an toàn thực phẩm do EU công nhận (IFS, BRC,...) và tiêu chuẩn thực hành bền vững (Fairtrade).
- ii Hỗ trợ hoạt động marketing, phát triển thị trường, cung cấp thông tin về thị trường và kết nối doanh nghiệp với các đối tác tiềm năng từ EU.
- iii Thúc đẩy hợp tác đa bên để nâng cao năng lực ngành và quảng bá nông sản Việt Nam vào thị trường EU.

Lợi ích dành cho doanh nghiệp:

- Doanh nghiệp được chứng nhận đáp ứng các tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm và thực hành bền vững; cải thiện hoạt động kinh doanh và quản lý chuỗi cung ứng nhằm tiếp cận thị trường EU thuận lợi hơn.
- Nhà cung cấp của doanh nghiệp hưởng lợi từ các mô hình hợp tác bền vững với doanh nghiệp xuất khẩu, từ đó đảm bảo nguồn cung ứng ổn định, đáp ứng các tiêu chuẩn bền vững và an toàn thực phẩm theo yêu cầu của thị trường EU.
- Doanh nghiệp kết nối với các đối tác châu Âu, từ đó đáp ứng được tốt hơn nhu cầu của thị trường EU.

Hoạt động chính của dự án

- Đào tạo, huấn luyện chuyên sâu cho DNNVV và các nhà cung cấp của doanh nghiệp.
- Tư vấn cho DNNVV trong quá trình nộp hồ sơ chứng nhận đáp ứng các tiêu chuẩn.
- Tổ chức sự kiện kết nối kinh doanh trực tiếp và trực tuyến.
- Xây dựng nền tảng kỹ thuật số hỗ trợ toàn diện cho doanh nghiệp nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường và thúc đẩy các cơ hội kinh doanh.
- Phối hợp với các cơ quan quản lý và hiệp hội doanh nghiệp để nhân rộng mô hình hỗ trợ cũng như quảng bá thương hiệu quốc gia.



Funded by
the European Union



DỰ ÁN BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ NGUY CẤP HOẠT ĐỘNG: LỒNG GHÉP THÔNG ĐIỆN BẢO TỒN ĐỘNG VẬT HOANG DÃ NGUY CẤP VÀO SÁCH CỦA VCCI

Vấn đề trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp được các Hiệp định Thương mại Tự do (FTA) đề cập tới, đặc biệt là các FTA thế hệ mới như Hiệp định Đối tác toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam – EU (EVFTA). Các FTA này có các nội dung về phát triển bền vững như lao động, môi trường, và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

Trong EVFTA, vấn đề phát triển bền vững được đưa vào thành một Chương riêng và trong nhiều nội dung của các Chương khác nhằm mục tiêu thúc đẩy thương mại bền vững. Các khía cạnh phát triển bền vững mà EVFTA đề cập đến bao gồm vấn đề lao động, môi trường (trong đó có biến đổi khí hậu, đa dạng sinh học, quản lý rừng bền vững, quản lý nguồn tài nguyên sinh vật biển...), các khía cạnh khác liên quan (ví dụ năng lượng tái tạo, trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, bảo trợ xã hội đối với các nhóm yếu thế...).

Nhiều năm qua Tổ chức TRAFFIC tại Việt Nam đã và đang đồng hành cùng Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) và nhiều tổ chức xã hội khác trong các hoạt động nâng cao lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp trong thời kỳ hội nhập thông qua thực hiện chiến lược Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp, tổ chức nhiều chương trình, hoạt động nhằm truyền thông và khuyến khích cộng đồng doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực như vận tải, thương mại điện tử, du lịch, dược phẩm cam kết chống lại buôn bán và sử dụng trái phép động, thực vật hoang dã.

TRAFFIC tại Việt Nam hiện đang triển khai Dự án Bảo vệ Động vật Hoang dã Nguy cấp do Cơ quan phát triển quốc tế USAID tài trợ từ 1/7/2021 tới 30/6/2026. Dự án hoạt động với mục tiêu tăng cường cam kết của cán bộ lãnh đạo cấp Trung ương và địa phương, đồng thời huy động sự hỗ trợ từ khu vực tư nhân nhằm giảm cầu với động vật hoang dã (ĐVHD) các sản phẩm từ ĐVHD bất hợp pháp. Dự án tập trung vào việc truyền thông nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi giảm nhu cầu tiêu thụ ĐVHD và các sản phẩm từ ĐVHD của các nhóm người tiêu dùng nổi bật trong đó có doanh nhân, những nhà lãnh đạo doanh nghiệp. Trong khuôn khổ dự án, VCCI và Tổ chức TRAFFIC sẽ tiếp tục phối hợp triển khai các hoạt động, hội thảo đấu tranh chống lại các hành vi phạm tội về buôn bán ĐVHD cũng như đáp ứng các nhu cầu nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp cho cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam. Chúng tôi sẽ tiếp tục phối hợp phát triển các sáng kiến thúc đẩy chính sách trách nhiệm xã hội khuyến khích cộng đồng doanh nghiệp triển khai hoạt động một cách có trách nhiệm hơn đối với các vấn đề về xã hội và môi trường trong mối tương quan với việc bảo vệ ĐVHD.

SỔ TAY DOANH NGHIỆP

**TẬP DỤNG EVFTA
ĐỂ TĂNG CƯỜNG XUẤT KHẨU
RAU QUẢ VIỆT NAM SANG EU**

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN

Giám đốc – Tổng Biên Tập

Lê Thanh Hà

Chịu trách nhiệm nội dung

Trần Thị Lan Anh

Biên tập

Nguyễn Tiến Thăng

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

Trụ sở: D29 Khu đô thị mới Cầu Giấy,
phường Yên Hoà, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 024 39434044

Website: www.nhaxuatbanthanhnien.vn

In 400 cuốn, khổ 13x22 cm tại Công ty TNHH In và Thương mại Trần Gia
Địa chỉ: Số 43 ngõ 406, đường Âu Cơ, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, Hà Nội

Số xác nhận đăng ký xuất bản: 988-2023/CXBIPH/8-21/TN

Số Quyết định xuất bản: 742/QĐ-NXBTN ngày 31 tháng 3 năm 2023

In xong và nộp lưu chiểu: Quý II/2023

Mã số ISBN: 978-604-979-876-4



DỰ ÁN TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC XUẤT KHẨU
CHO DNNVV TRONG NGÀNH HÀNG
GIA VỊ, RAU QUẢ VIỆT NAM

*Tài liệu này được biên soạn với sự hỗ trợ tài chính của
Liên minh châu Âu. Các nội dung trong tài liệu này thuộc
trách nhiệm dự án SFV-Export và không nhất thiết
phản ánh quan điểm của Liên minh châu Âu*